

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU
GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
Tỉnh **NAM ĐỊNH**



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

KÍ HIỆU DÙNG TRONG TÀI LIỆU



Yêu cầu cần đạt



Dẫn nhập/Khởi động



Câu hỏi



Kết nối



Em có biết?



Luyện tập, vận dụng



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH NAM ĐỊNH
LỚP 11

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH NAM ĐỊNH

Bản quyền nội dung thuộc về Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định.

Bản quyền xuất bản thuộc về Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
Mọi hình thức sao chép toàn bộ hay một phần hoặc các hình thức phát hành
mà không có sự cho phép trước bằng văn bản
của Nhà xuất bản Đại học Sư phạm đều là vi phạm pháp luật.

Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả
để sách ngày càng hoàn thiện hơn. Mọi góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và dịch vụ bản quyền
xin vui lòng gửi về địa chỉ email: nxb@hnue.edu.vn

ISBN 978-604-54-0000-0

MỤC LỤC

KÍ HIỆU DÙNG TRONG TÀI LIỆU	2
LỜI NÓI ĐẦU	4
CHỦ ĐỀ: DANH NHÂN NAM ĐỊNH	5
Bài 1. Khái quát về danh nhân tỉnh Nam Định	6
Bài 2. Danh nhân, tướng lĩnh quân sự Nam Định	9
Bài 3. Danh nhân văn hoá Nam Định	15
CHỦ ĐỀ: KINH TẾ NAM ĐỊNH TRONG THỜI KÌ ĐỔI MỚI	21
Bài 1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	22
Bài 2. Địa lí ngành nông, lâm nghiệp và thuỷ sản	25
Bài 3. Địa lí ngành công nghiệp	31
Bài 4. Địa lí ngành dịch vụ	37
Bài 5. Thực hành: Viết báo cáo tìm hiểu về một ngành kinh tế tiêu biểu của địa phương	43
CHỦ ĐỀ: MỘT SỐ TÁC GIẢ VĂN HỌC TRUNG ĐẠI NAM ĐỊNH (PHẦN 2)	45
Bài 1. Lương Thế Vinh, Phạm Văn Nghị, Trần Bích San	46
CHỦ ĐỀ: MỘT SỐ TÁC GIẢ VĂN HỌC HIỆN ĐẠI NAM ĐỊNH	55
Bài 1. Đoàn Văn Cừ	56
Bài 2. Nguyễn Bính	60
Bài 3. Sóng hồng	64
CHỦ ĐỀ: KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO	67
Bài 1. Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	68
Bài 2. Một số mô hình khởi nghiệp ở Nam Định	71
DANH MỤC TỪ TRA CỨU	74

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Cuốn **Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Nam Định – Lớp 11** sẽ đồng hành cùng các em trong năm học này. Tài liệu được biên soạn với cấu trúc và nội dung hợp lí sẽ giúp các em khám phá và tìm hiểu về những danh nhân của tỉnh, về kinh tế trong thời kì đổi mới, các tác giả trung đại và hiện đại tiêu biểu, về một số mô hình khởi nghiệp của tỉnh thông qua các chủ đề như: *Danh nhân Nam Định, Kinh tế Nam Định trong thời kì đổi mới, Một số tác giả văn học trung đại Nam Định, Một số tác giả văn học hiện đại Nam Định, Khởi nghiệp sáng tạo.* **Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Nam Định – Lớp 11** cùng với các môn học khác trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 sẽ góp phần tạo điều kiện để các em phát triển năng lực, phẩm chất, tình yêu quê hương đất nước, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần giải quyết những vấn đề của địa phương.

Hi vọng rằng, tài liệu sẽ mang đến cho các em nhiều điều bổ ích và thú vị về những nét đặc trưng của vùng đất Nam Định. Chúc các em có những giờ học tập thật vui vẻ và hiệu quả.

Các tác giả

CHỦ ĐỀ

DANH NHÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được tên tuổi và những đóng góp nổi bật của các danh nhân trên địa bàn tỉnh Nam Định.
- Nhận biết được những yếu tố tác động (bối cảnh thời đại, quê hương, gia đình,...) tạo nên những danh nhân Nam Định, nhất là các nhà chính trị, quân sự kiệt xuất.
- Rút ra được bài học cho riêng mình từ việc tìm hiểu về ý chí, bản lĩnh, con đường phấn đấu và sự nghiệp của các danh nhân tiêu biểu.
- Biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu lịch sử để giới thiệu về một nhân vật lịch sử tiêu biểu.
- Liên hệ với thực tế địa phương xã, huyện nơi mình sinh sống về các di tích lịch sử – văn hoá gắn với tên tuổi của các danh nhân có nhiều đóng góp cho quê hương.



Tượng đài Trần Hưng Đạo
tại thành phố Nam Định.

BÀI 1

KHÁI QUÁT VỀ DANH NHÂN TỈNH NAM ĐỊNH



Hình 1.1. Tượng đài và nhà tưởng niệm một danh nhân ở tỉnh Nam Định.



Hai hình trên cho em biết đó là tượng đài và nhà tưởng niệm của danh nhân nào ở tỉnh Nam Định? Chia sẻ hiểu biết của em về một số danh nhân tiêu biểu của tỉnh Nam Định.

I Khái niệm về danh nhân

Danh nhân là những người nổi tiếng, có đóng góp nổi bật trên các lĩnh vực, có ảnh hưởng lớn đến cộng đồng, xã hội và được xã hội ghi nhận, tôn vinh.

Danh nhân được tôn vinh, thừa nhận trên nhiều phương diện khác nhau nên có thể có danh nhân chính trị, danh nhân quân sự, danh nhân văn hoá. Mức độ tôn vinh có thể ở nhiều cấp độ khác nhau tùy thuộc tài năng và tầm ảnh hưởng của danh nhân đó như danh nhân của địa phương, danh nhân của quốc gia, danh nhân được thế giới tôn vinh.



Theo Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO), danh nhân văn hoá là người kiệt xuất, có những hoạt động, những công trình, những tác phẩm kiệt xuất, có giá trị, làm phong phú thêm cho nền văn hoá chung của nhân loại, có tác dụng động viên, khuyến khích lòng khoan dung, độ lượng và tinh vị tha của con người, làm cho con người thêm hiểu biết nhau, thêm gắn gũi, gắn bó với nhau, gắn bó với hoà bình hữu nghị. Họ là hiện thân của những nét đặc thù của trí tuệ và của nhân cách.



Hãy giải thích khái niệm danh nhân theo hiểu biết của em.

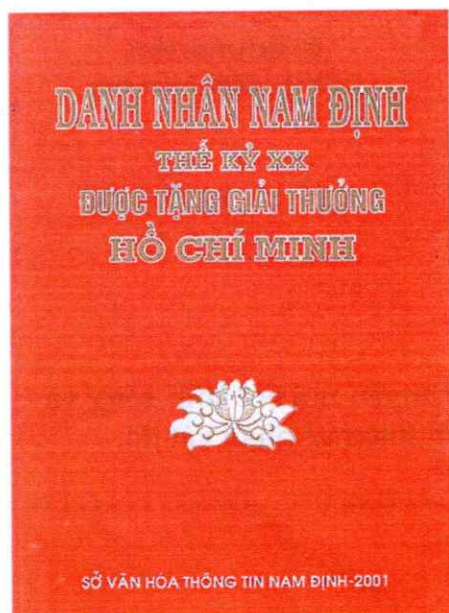
II Khái quát về danh nhân tỉnh Nam Định

Nam Định là một trong những mảnh đất địa linh nhân kiệt. Trong tiến trình xây dựng và phát triển của địa phương, tỉnh Nam Định đã xuất hiện nhiều danh nhân kiệt xuất có tài năng và nhân cách lớn lao, có đóng góp trên nhiều phương diện khác nhau, có tầm ảnh hưởng không nhỏ trong dòng chảy lịch sử của quê hương và dân tộc.

Nhắc đến danh nhân, thời kì nào Nam Định cũng có những nhà chính trị kiệt xuất, những tướng lĩnh tài ba, những bậc đại khoa với nhiều tấm gương hiếu học, những văn nghệ sĩ và nhà khoa học tài năng,...

Bảng 1. Một số danh nhân tiêu biểu trong lịch sử Nam Định.

STT	Lĩnh vực thành danh	Một số danh nhân tiêu biểu
1	Nhà chính trị kiệt xuất	Thượng hoàng Trần Thừa, vua Trần Thái Tông, vua Trần Thánh Tông, vua Trần Nhân Tông, vua Trần Anh Tông, vua Trần Minh Tông, Trương Chính, Lê Đức Thọ, Nguyễn Cơ Thạch,...
2	Nhà quân sự, tướng lĩnh tài ba	Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Mai Chí Thọ,...
3	Nhà khoa bảng danh tiếng	Trạng nguyên Nguyễn Hiền, Lương quốc Trạng nguyên Đào Sư Tích, Trạng nguyên Lương Thế Vinh, Trạng nguyên Vũ Tuấn Chiêu, Trạng nguyên Trần Văn Bảo, Hoàng giáp Phạm Văn Nghị, Tam nguyên Trần Bích San,...
4	Văn nghệ sĩ tài năng	Nguyễn Hồng, Nguyễn Bính, Văn Cao, Nguyễn Thi, Nguyễn Khải, Vũ Năng An,...



Hình 1.2. Bìa cuốn sách *Danh nhân Nam Định thế kỷ XX được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh*.

Riêng trong thế kỉ XX, tỉnh Nam Định có 13 danh nhân được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh trên nhiều lĩnh vực, như: âm nhạc (Văn Cao), thơ ca (Nguyễn Bính), văn xuôi (Nguyễn Khải, Nguyễn Thi, Nguyễn Hồng), kịch bản (Đào Hồng Cẩm), sử học (Trần Huy Liệu), văn hoá (Vũ Khiêu), sinh học (Đào Văn Tiến), nông nghiệp (Bùi Huy Đáp), y học (Đặng Vũ Hỷ), kiến trúc (Nguyễn Cao Luyện), nhiếp ảnh (Vũ Năng An).

Danh nhân trong lịch sử tỉnh Nam Định chính là những tấm gương chân thực, sinh động giúp thắp sáng tinh thần yêu nước, hiếu học, hi sinh quên mình vì cộng đồng cho thế hệ trẻ hôm nay.



Hình 1.3. Học sinh Trường Tiểu học Đông Thắng (huyện Ý Yên) tham quan Đền thờ Hoàng giáp Phạm Văn Nghị.



1. Hãy kể tên những danh nhân/nhân vật lịch sử nổi tiếng khác mà em biết trên địa bàn tỉnh Nam Định?
2. Chia sẻ về vai trò, những đóng góp cụ thể của một số danh nhân tiêu biểu tỉnh Nam Định mà em biết.



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Tìm hiểu thông tin qua sách, báo hoặc internet và hoàn thành bảng theo mẫu dưới đây:

STT	Tên danh nhân	Quê quán	Di tích/nơi thờ, tưởng niệm hiện nay
1	?	?	?
2	?	?	?
3	?	?	?
...	?	?	?

2. Chọn một danh nhân tiêu biểu trên địa bàn xã/huyện nơi em sinh sống và viết một đoạn văn ngắn (khoảng 400 – 500 từ) giới thiệu về nhân vật đó.

BÀI 2

DANH NHÂN, TƯỚNG LĨNH QUÂN SỰ TỈNH NAM ĐỊNH



Nam Định không chỉ là vùng đất giàu truyền thống văn hoá mà còn là quê hương của nhiều danh nhân, tướng lĩnh quân sự nổi tiếng, có cống hiến lớn trong công cuộc chống ngoại xâm và sự nghiệp cách mạng của đất nước.



Vậy Nam Định có những danh nhân, tướng lĩnh quân sự tiêu biểu nào qua các thời kì lịch sử?

I Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn

Trần Quốc Tuấn là danh nhân quân sự kiệt xuất và nổi tiếng nhất trong lịch sử Việt Nam, ông có vai trò và cống hiến đặc biệt to lớn trong công cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên xâm lược thế kỉ XIII.



Hình 2.1. Đền Cổ Trạch (thuộc khu di tích đền Trần, thành phố Nam Định) – nơi thờ Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn.



Trần Quốc Tuấn (1228 – 1300) sinh tại thôn Tức Mặc, phủ Thiên Trường (nay thuộc phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định) trong một gia đình quý tộc họ Trần. Ông là con của Trần Liễu (anh ruột của vua Trần Thái Tông – vị vua đầu tiên của nhà Trần). Từ nhỏ, Trần Quốc Tuấn đã nổi tiếng thông minh, đọc rộng hiểu nhiều, có tài cả văn lẫn võ.

Cuối năm 1257, trước nguy cơ xâm lược của quân Mông Cổ, Trần Quốc Tuấn được lệnh của triều đình chỉ huy các đạo quân thuỷ bộ ra trấn giữ ở biên giới phía bắc. Sau thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ xâm lược năm 1258,

Trần Quốc Tuấn lại trở về phủ đệ riêng ở Vạn Kiếp (nay thuộc thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương).

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược năm 1285, trên cương vị Quốc công Tiết chế, thống lĩnh quân đội cả nước, Trần Quốc Tuấn cùng các tướng lĩnh như Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Trần Khánh Dư,... đã chỉ huy quân nhà Trần rút lui, phòng ngự để bảo toàn lực lượng rồi sau đó phản công, làm nên những thắng lợi lớn tại Hàm Tử, Tây Kết, Chương Dương, Vạn Kiếp,...

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược năm 1287 – 1288, Trần Quốc Tuấn tiếp tục chỉ huy quân đội nhà Trần giành thắng lợi, đặc biệt là trận Bạch Đằng năm 1288.

Năm 1289, Trần Quốc Tuấn được phong tước Đại vương. Ông tiếp tục sống ở Vạn Kiếp cho đến khi qua đời vào năm 1300. Triều đình phong tặng ông là Thái sư Thượng phụ Thượng quốc công Nhân Vũ Hưng Đạo Đại vương. Nhân dân tôn vinh ông là “Đức Thánh Trần” và lập đền thờ ông ở nhiều nơi.

Là một vị tướng có tài năng kiệt xuất, Trần Quốc Tuấn để lại những tư tưởng quân sự có giá trị lớn, nổi bật là những phương châm như “dùng đoản binh chế trường trận”; tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu; xây dựng quân đội một lòng như cha con; quân cốt tinh, không cốt đông,... Những phương châm này cùng một số tác phẩm về quân sự của ông đã có đóng góp lớn vào kho tàng nghệ thuật quân sự truyền thống Việt Nam.



Trần Quốc Tuấn có những câu nói nổi tiếng như: “*Bệ hạ chém đầu tôi trước rồi hãy hàng*” (trả lời vua Trần Thánh Tông khi vua vờ bảo ông trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược năm 1285: “*Thế giặc như vậy, ta phải hàng thôi*”); “*Khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy*” (trả lời vua Trần Anh Tông khi nhà vua đến thăm lúc ông bị ốm nặng).



Hình 2.2. Đền Bảo Lộc tại xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định – một trong những địa điểm chính thờ Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn.

Tư liệu: “Ông lại khéo tiến cử người tài giỏi cho đất nước, như Dã Tượng, Yết Kiêu là gia thần của ông, có dự công dẹp Ô Mã Nhi, Toa Đô. Bọn Phạm Ngũ Lão, Trần Thì Kiến, Trương Hán Siêu, Phạm Lãm, Trịnh Dũ, Ngô Sĩ Thường, Nguyễn Thế Trực vốn là môn khách của ông, đều nổi tiếng thời đó về văn chương và chính sự, bởi vì ông có tài mưu lược, anh hùng, lại một lòng giữ gìn trung nghĩa vậy,... Đời Trùng Hưng lập nên công nghiệp hiếm có. Tiếng vang đến giặc Bắc, chúng thường gọi ông là An Nam Hưng Đạo vương mà không dám gọi tên”.

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*)

Trần Quốc Tuấn còn là một tấm gương lớn về lòng trung thành, về tình yêu thương đối với tướng sĩ dưới quyền, về việc trọng dụng người hiền tài. Ông cũng là người nổi tiếng về lòng độ lượng, vị tha, sẵn sàng gạt bỏ hiềm khích riêng vì việc nước. Với tài năng, đức độ đặc biệt và công lao, đóng góp to lớn trong sự nghiệp giữ nước, Trần Quốc Tuấn được xem là vị tướng vĩ đại nhất trong lịch sử Việt Nam.



1. Trần Quốc Tuấn có vị trí, vai trò như thế nào trong ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên xâm lược?
2. Việc nhân dân tôn vinh Trần Quốc Tuấn là Đức Thánh Trần, lập đền thờ ông ở Nam Định và nhiều địa phương khác cho thấy điều gì?

II Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải

Trần Quang Khải là nhà chính trị, tác giả văn học và là tướng lĩnh quân sự nổi tiếng thời Trần. Ông là đại thần đầu triều trong nhiều năm, đồng thời có công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược năm 1285.

Năm 1258, Trần Quang Khải được ban thái ấp ở Độc Lập, phủ Thiên Trường (nay thuộc thôn Cao Đài, xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc). Cũng trong năm này, sau khi Trần Thánh Tông lên ngôi, ông được phong tước Chiêu Minh Đại vương.

Năm 1261, Trần Quang Khải được phong Thái úy, trở thành đại thần hàng đầu của nhà Trần. Đến năm 1271, ông được phong Tướng quốc Thái úy - chức vụ đứng đầu trăm quan trong triều, "nắm giữ việc nước", quyền lực chỉ sau nhà vua và thái thượng hoàng. Năm 1282, ông được phong Thượng tướng Thái sư. Về quân sự, Trần Quang Khải chỉ đứng sau Trần Quốc Tuấn - người được phong là Quốc công Tiết chế năm 1283.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược năm 1285, khi được tin tướng địch là Toa Đô từ Chăm-pa đang đưa quân ra đánh chiếm Nghệ An, Trần Quốc Tuấn đã tâu với vua Trần Nhân Tông xin cử Trần Quang Khải đưa quân vào trấn giữ Nghệ An. Tại đây, cánh quân của Trần Quang Khải đã kim chân quân địch, buộc Toa Đô phải rút quân khỏi Nghệ An cùng với Ô Mã Nhi xuống thuyền trở ra Bắc để rồi phải chịu thất bại nặng nề trong trận Hàm Tử (Hung Yên).

Giữa năm 1285, Trần Quang Khải được lệnh vua Trần Nhân Tông đưa quân theo đường biển từ Thanh Hoá tiến ra Bắc. Ông đã cùng Phạm Ngũ Lão và Trần Quốc Toản chỉ huy quân đội giành thắng lợi lớn trong trận Chương Dương rồi đánh bật quân Nguyên ra khỏi kinh thành Thăng Long.



Trần Quang Khải sinh năm 1241, quê ở thôn Tức Mặc, phủ Thiên Trường. Ông là con thứ ba của vua Trần Thái Tông và là em ruột của vua Trần Thánh Tông. Từ nhỏ, Trần Quang Khải đã được dạy dỗ chu đáo cả văn lẫn võ, một trong số những người thầy của ông là Bảng nhãn Lê Văn Hưu.



Sau khi Thăng Long được giải phóng (1285), vua Trần Nhân Tông và thượng hoàng Trần Thánh Tông trở về kinh đô, Trần Quang Khải đi theo hộ tống. Trong niềm vui thắng trận, Trần Quang Khải đã làm bài thơ *Tụng giá hoàn kinh sư*:
*Chương Dương cướp giáo giặc,
 Hàm Tử bắt quân thù.
 Thái bình nên gắng sức,
 Non nước ấy ngàn thu.*



Hình 2.4. Đình Cao Đài (xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc) – nơi thờ Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải và phu nhân là công chúa Phụng Dương.

Trần Quang Khải qua đời năm 1294. Trên nền cũ thái ấp của Trần Quang Khải, nhân dân đã xây dựng đình Cao Đài để thờ phụng ông cùng phu nhân là công chúa Phụng Dương.

Trần Quang Khải là một nhà chính trị, nhà ngoại giao, vị tướng lĩnh tài ba. Ông cũng là một trí thức uyên thâm, giỏi thơ văn. Tác phẩm của ông còn lại một số bài thơ như: *Tụng giá hoàn kinh sư* (hay *Phò giá về kinh*), *Phúc Hưng viên*, *Lưu gia độ*, *Dã thụ*, *Xuân nhật hữu cảm*,...

Tư liệu: “Ông nghe rộng biết nhiều, hiểu các tiếng người nước phiên [láng giềng]. Mỗi khi sứ sang, ông được chọn vào thù tiếp. Ông rất chăm học hay làm thơ, có *Lạc đạo tập* truyền ở đời. Chỗ ông ở, gọi là vườn Phúc Hưng, thường mời khách đến ngâm vịnh”.

(Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*)



1. Trần Quang Khải có vị trí, vai trò như thế nào trong Vương triều Trần và trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược năm 1285?
2. Vì sao có thể khẳng định Trần Quang Khải là một người đa tài?

III Đại tướng Mai Chí Thọ

Mai Chí Thọ là một nhà hoạt động cách mạng, tướng lĩnh cao cấp của lực lượng Công an Nhân dân Việt Nam.

Mai Chí Thọ tham gia hoạt động yêu nước cách mạng từ rất sớm trong phong trào học sinh, sinh viên. Từ năm 1938 đến năm 1940, ông tham gia các tổ chức thanh niên yêu nước ở Nam Định, là Bí thư Đoàn Thanh niên Phản đế Nam Định. Ông từng bị thực dân Pháp bắt giam trong thời gian từ năm 1940 đến năm 1945, lần lượt bị giam giữ tại các nhà tù ở Nam Định, Hoả Lò (Hà Nội), Sơn La, Khám Lớn (Sài Gòn), Côn Đảo.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Mai Chí Thọ chủ yếu hoạt động trong lực lượng Công an ở Nam Bộ. Từ năm 1960 đến năm 1965, ông là Bí thư Khu uỷ miền Đông Nam Bộ, Chính uỷ Quân khu miền Đông Nam Bộ. Từ năm 1965 đến năm 1975, ông lần lượt đảm nhận các vị trí: Uỷ viên Thường vụ, Phó Bí thư, Bí thư Thành uỷ Sài Gòn - Gia Định, Chính uỷ Quân khu Sài Gòn - Gia Định.

Sau ngày miền Nam được giải phóng (30-4-1975), Mai Chí Thọ tiếp tục giữ các chức vụ: Phó Chủ tịch Uỷ ban Quân quản Sài Gòn - Gia Định, Bí thư Đảng uỷ, Giám đốc Sở Công an Thành phố Hồ Chí Minh (1975 - 1976); Phó Bí thư thứ nhất Thành uỷ, Phó Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (1976 - 1979); Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Phó Bí thư thường trực, Bí thư Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh (1979 - 1985).

Từ năm 1986, Mai Chí Thọ là Thứ trưởng thứ nhất Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an). Tháng 2-1987, ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Tháng 5-1989, ông được phong Đại tướng và trở thành đại tướng đầu tiên của lực lượng Công an Nhân dân Việt Nam.

Mai Chí Thọ là Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá IV, V và VI (1978 - 1991), Uỷ viên Bộ Chính trị khoá VI (1986 - 1991).



Hình 2.5. Đại tướng Mai Chí Thọ (1922 - 2007).



Mai Chí Thọ tên thật là Phan Đình Đống, sinh năm 1922 tại thôn Địch Lễ, xã Nam Vân, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định (nay là xã Nam Vân, thuộc thành phố Nam Định). Hai người anh của ông là Lê Đức Thọ, Đinh Đức Thiện cũng là những nhà hoạt động cách mạng và là chính khách nổi tiếng của Việt Nam.



Hình 2.6. Mai Chí Thọ – Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố đọc diễn văn tại buổi mít tinh đổi tên thành phố Sài Gòn – Gia Định thành Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2-7-1976.

Mai Chí Thọ được đánh giá là nhà hoạt động cách mạng kiên trung, có đóng góp đặc biệt đối với quá trình xây dựng và phát triển lực lượng Công an Nhân dân Việt Nam. Ông cũng là người có cống hiến lớn đối với Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là trong quá trình giữ vững ổn định chính trị – xã hội sau ngày 30-4-1975 và bước đầu đổi mới kinh tế thành phố trước khi công cuộc Đổi mới được tiến hành trên cả nước (1986).

Tháng 1-2007, Mai Chí Thọ được trao tặng Huân chương Sao Vàng – Huân chương cao quý nhất của Nhà nước Việt Nam.



Mai Chí Thọ được đặt tên đường phố tại Thành phố Hồ Chí Minh (từ đường hầm sông Sài Gòn đến xa lộ Hà Nội) và tại Hà Nội (phía tây khu đô thị Việt Hưng).



1. Đại tướng Mai Chí Thọ có đóng góp trên những lĩnh vực nào?
2. Em học tập được gì từ việc tìm hiểu con người, sự nghiệp của đại tướng Mai Chí Thọ?



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Trình bày những thắng lợi gắn liền với vai trò của Trần Quốc Tuấn và Trần Quang Khải trong các cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên xâm lược thế kỉ XIII.
2. Sưu tầm tư liệu về một danh nhân, tướng lĩnh quân sự của tỉnh Nam Định mà em yêu thích. Giới thiệu những tư liệu đó với thầy cô và bạn học.

BÀI 3

DANH NHÂN VĂN HOÁ TỈNH NAM ĐỊNH



Hình 3.1. Trạng nguyên Lương Thế Vinh (tranh vẽ).



Hình 3.2. Nhà thơ Tú Xương (Trần Tế Xương) (tranh vẽ).



Hãy chia sẻ hiểu biết của em về một trong hai nhân vật lịch sử trên? Theo em, ở tỉnh Nam Định còn có những danh nhân văn hoá tiêu biểu nào khác?

I Trạng nguyên Nguyễn Hiền

Nguyễn Hiền (1234 – 1255) quê ở làng Dương A, huyện Thượng Hiền, phủ Thiên Trường (nay là xã Nam Thắng, huyện Nam Trực). Ông là trạng nguyên trẻ nhất của Việt Nam và là một danh thần thời Trần.

Tương truyền, Nguyễn Hiền mồ côi cha từ nhỏ, sống với mẹ trong một túp lều thuộc khuôn viên chùa làng. Thuở nhỏ, Nguyễn Hiền theo học một nhà sư trong chùa. Ông học rất giỏi, sách chỉ đọc qua là nhớ. Sư thầy dạy đến trạng nào là Nguyễn Hiền thuộc ngay trạng đó.

Tuy gia cảnh nghèo khó nhưng Nguyễn Hiền rất nỗ lực, chăm chỉ học hành. Ông lấy que làm bút, lấy mặt đê làm giấy để viết, ngày đêm rèn học.

Năm 1247 dưới thời vua Trần Thái Tông, lần đầu tiên nhà Trần chính thức đặt danh hiệu Tam khôi dành cho ba người đỗ đầu kì thi Đình là Trạng nguyên, Bảng nhãn và Thám hoa. Trong khoa thi năm này, Nguyễn Hiền đã thi đỗ Trạng nguyên khi mới 13 tuổi. Ông trở thành vị Trạng nguyên trẻ tuổi nhất trong lịch sử khoa cử thời kì quân chủ của Việt Nam.

Sau khi công bố kết quả thi, Nguyễn Hiền được vào cung yết kiến nhà vua. Thấy Nguyễn Hiền còn ít tuổi, tài năng vượt trội nhưng còn nhỏ chưa hiểu phép tắc, lễ nghĩa nên nhà vua chưa bổ nhiệm chức quan ngay. Vua cho Nguyễn Hiền về nhà học hành thêm, chờ 3 năm sau khôn lớn mới bổ dụng.

Sau này, khi ra làm quan trong triều đình nhà Trần, Nguyễn Hiền có nhiều kế sách hay để phò vua giúp nước. Về nông nghiệp, ông cho đắp đê quai vạc sông Hồng, phát triển sản xuất nên mùa màng bội thu, nhân dân no đủ. Về quân sự, ông cho mở mang võ đường để rèn quân luyện sĩ.

Nguyễn Hiền mất sớm, khi mới 21 tuổi. Sau khi ông mất, nhân dân lập đền thờ ông tại quê nhà. Dân làng ông được vua ban cấp cho 5 mẫu ruộng để lo việc thờ cúng. Để tỏ lòng tôn kính ông, nhà vua cũng cho đổi tên huyện Thượng Hiền thành huyện Thượng Nguyên để tránh phạm húy tên ông.



Hình 3.3. Đền thờ Trạng nguyên Nguyễn Hiền tại thôn Dương A, xã Nam Thắng, huyện Nam Trung.



Theo ngọc phả và thần tích, Trạng nguyên Nguyễn Hiền có biệt tài ứng đối thơ văn. Ông từng giao tiếp và giải các ẩn ý từ các bài thơ của sứ giả nhà Tống (trong đó có bài thơ luận ra chữ “điền”) khiến sứ giả nể phục. Trong di tích đền thờ Nguyễn Hiền ở Nam Trung còn có câu đối: “Danh tự trạng nguyên dâng Bắc địa/ Công huân sử kí tráng Nam thiên” (Tên tuổi trạng nguyên vang đất Bắc/ Công lao sử chép đẹp trời Nam).



Đền thờ Trạng nguyên Nguyễn Hiền nằm ở thôn Dương A, xã Nam Thắng, huyện Nam Trung. Đền được xây dựng trên chính mảnh đất mà Nguyễn Hiền sinh ra và lớn lên. Tại di tích còn lưu giữ được bài vị, ngọc phả, nhiều sắc phong, câu đối, đại tự,... ca ngợi tài năng và công trạng của Trạng nguyên Nguyễn Hiền.



1. Yếu tố nào vừa là khó khăn vừa là động lực để tạo ra một Trạng nguyên đại khoa Nguyễn Hiền?
2. Em rút ra được bài học gì từ sự thành danh của Trạng nguyên Nguyễn Hiền?

II Trạng nguyên Lương Thế Vinh

Lương Thế Vinh (1441 – 1496), còn được dân gian gọi là “Trạng Lường”, quê ở làng Cao Hương, huyện Thiên Bản, trấn Sơn Nam (nay là thôn Cao Phương, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản). Ông là nhà toán học, nhà thơ, nhà Phật học nổi tiếng thời Lê sơ, ông nổi tiếng thông minh, sáng tạo trong các trò chơi như đá bóng, thả diều, câu cá, bẫy chim. Năm 1463, ông đỗ Trạng nguyên dưới thời vua Lê Thánh Tông. Sau đó, ông được bổ làm quan ở Hàn lâm viện, thăng đến chức Hàn lâm Thị thư trưởng Hàn lâm Viện sự.

Từ nhỏ, Lương Thế Vinh đã nổi tiếng thông minh, lanh lợi, được mệnh danh “Thần đồng làng Hương”. Ông rất ham đọc sách, có tài nhớ lâu, suy nghĩ luôn thấu đáo.

Trạng nguyên Lương Thế Vinh là người tài hoa, uyên bác về nhiều lĩnh vực như: âm nhạc, giáo dục, toán học, văn học,... nhưng nổi bật nhất là khả năng về toán học.

Ông là tác giả của cuốn *Đại thành toán pháp* – được xem là cuốn sách giáo khoa toán đầu tiên ở nước ta và ông cũng được xem là người chế ra bàn tính gậy cho người Việt, lúc đầu làm bằng đất rồi bằng trúc, bằng gỗ, sơn màu khác nhau, đẹp và dễ tính, dễ nhớ.

Ngoài công việc hàn lâm trong triều, Lương Thế Vinh còn được vua giao nhiệm vụ thảo những văn thư ngoại giao với nhà Minh. Bên cạnh đó, Lương Thế Vinh cũng quan tâm nghiên cứu về âm nhạc dân gian như hát chèo. Ông cùng với hai người khác là Thân Nhân Trung và Đỗ Nhuận được vua Lê Thánh Tông giao nhiệm vụ chế định ra các lễ nhạc của triều đình.

Là một nhà nho lỗi lạc song Lương Thế Vinh cũng sáng tác văn Nôm. Ông được cho là tác giả của áng văn Nôm có tựa đề *Thập giới Cô hồn Quốc ngữ văn*, còn gọi là *Phật kinh Thập giới*.

Lương Thế Vinh được nhận định là người có tính cách bình dị, mến dân, trung thực và có khả năng châm biếm khôi hài trong việc răn dạy từ vua đến quan. Sau khi ông mất, vua Lê Thánh Tông có bài thơ đánh giá rất cao tài năng của ông trong đó có hai câu thơ:

“*Khuất ngón tay than tài cái thế*
Lấy ai làm trạng nước Nam ta!”.

Sau khi mất, Trạng nguyên Lương Thế Vinh được phong làm phúc thần của làng Cao Hương.



Trạng nguyên Lương Thế Vinh là người đã thấy rõ vai trò quan trọng của toán học trong cuộc sống nên ông rất chú trọng đến việc dạy toán, học toán, khác hẳn với xu thế đương thời chỉ tập trung vào văn chương thơ phú. Tương truyền lúc còn đi học, trong một bài văn nói về chí hướng của mình, ông đã xác định “Thần cơ diệu toán vạn niên sư” (Tính toán giỏi sẽ là thầy của muôn đời).



Hình 3.4. Đền thờ Trạng nguyên Lương Thế Vinh tại thôn Cao Phương, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản.



Tài năng và cống hiến của Trạng nguyên Lương Thế Vinh thể hiện như thế nào?

III Nhà thơ Tú Xương (Trần Tế Xương)

Tú Xương (1870 – 1907) tên thật là Trần Duy Uyên, sau đổi là Trần Tế Xương, quê ở làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định (nay là phố Minh Khai, phường Vị Hoàng, thành phố Nam Định). Ông là nhà thơ trào phúng bậc nhất trong lịch sử văn học Việt Nam giai đoạn cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX.

Tương truyền Tú Xương là người thông minh, nói năng có duyên, thích trào lộng. Ông là người có tài năng song cuộc đời và sự nghiệp công danh lại trắc trở. Tú Xương đi học sớm, 15 tuổi đã đi thi Hương, nhưng nhiều lần không đỗ. Mãi đến năm 1894, ông mới đậu Tú tài, vì thế ông còn được gọi là ông Tú hay Tú Xương. Tuy không đỗ đạt cao, sống cuộc đời nghèo khó nhưng Tú Xương nổi tiếng về văn học, nhất là về thơ trào phúng.

Tú Xương sáng tác khá nhiều, những bài thơ của ông thường được truyền tay qua bạn bè và phổ biến trong nhân dân, nhưng không được ghi chép lại nên bị thất lạc nhiều. Hiện đã tìm được hơn 100 bài thơ của ông viết bằng nhiều thể thơ khác nhau như: thất ngôn bát cú, tứ tuyệt, lục bát, song thất lục bát, phú,...

Các bài thơ của Tú Xương phản ánh rõ mọi biến động của xã hội, ghi lại sự thay đổi của đời sống xã hội, sự suy đồi của phong tục, văn hoá truyền thống,... Ngoài các bài thơ trào phúng, ông cũng có những bài thơ trữ tình chứa chan tình yêu quê hương, đất nước, gọi nhớ về phong cảnh Nam Định xưa:

*Vẳng nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình lại tưởng tiếng ai gọi ò.*

(Trích bài thơ *Sông lấp*)

Thơ Tú Xương sử dụng ngôn ngữ giản dị nhưng điêu luyện, phá cách, đầy châm biếm nhưng cũng rất thâm thúy, sâu sắc.

Nhà thơ Xuân Diệu từng viết về Tú Xương:

*Ông Nghè ông Thám vô mây khói
Đứng lại vẫn chương một Tú tài¹.*

Trên địa bàn thành phố Nam Định ngày nay, tên của nhà thơ Tú Xương được gắn với con đường ở sát hồ Vị Xuyên, trường tiểu học, tên đơn vị hành chính (phường) của thành phố; mộ chí của ông cũng được đặt trang trọng trong khuôn viên Công viên Vị Xuyên.



Hình 3.5. Mộ nhà thơ Trần Tế Xương trong khuôn viên Công viên Vị Xuyên (phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định).

Ngôi nhà số 247 phố Hàng Nâu xưa (nay là phố Minh Khai, phường Vị Hoàng, thành phố Nam Định) – nơi nhà thơ Tú Xương từng sinh sống – đã được chính quyền thành phố cho tu sửa, bảo tồn và công nhận là Di tích văn hoá, điểm thu hút du khách đến tham quan tìm hiểu cuộc đời, thân thế, sự nghiệp của nhà thơ Tú Xương.



Nhà thơ Tú Xương có vị thế như thế nào trong làng thơ Việt Nam?

¹ Ông Nghè là cách gọi dân gian chỉ người đỗ Tiến sĩ; ông Thám tức Thám hoa – danh hiệu thứ ba trong số 3 người đỗ đầu kì thi Đình thời xưa (sau Trạng nguyên, Bảng nhãn); Tú tài là học vị dành cho người chỉ thi đỗ 3 trong tổng số 4 kì thi trong kì thi Hương thời Nguyễn, Tú tài kém Cử nhân một bậc.



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Tìm hiểu thông tin qua sách, báo hoặc internet và hoàn thành bảng theo mẫu dưới đây:

STT	Tên danh nhân văn hoá	Tác phẩm, lĩnh vực cống hiến được ghi nhận	Tên các con đường, trường học, công trình mang tên danh nhân ở Nam Định nói riêng và cả nước nói chung
1	?	?	?
2	?	?	?
3	?	?	?
...	?	?	?

2. Lập hồ sơ về một danh nhân văn hoá Nam Định dưới dạng poster hoặc infographics, trong đó tóm tắt được: tiểu sử vắn tắt, tài năng ưu trội, sự nghiệp và cống hiến, những điều cá nhân có thể học tập được từ sự thành công, thành danh của nhân vật.

CHỦ ĐỀ

KINH TẾ NAM ĐỊNH TRONG THỜI KÌ ĐỔI MỚI

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Phân tích được hiện trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế (theo ngành, theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ) ở tỉnh Nam Định.
- Phân tích được đặc điểm địa lí các ngành kinh tế trong tỉnh (vai trò, nhân tố ảnh hưởng, hiện trạng phát triển và phân bố của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp trọng điểm; dịch vụ).
- Phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ sản xuất công nghiệp trong tỉnh: điểm công nghiệp, khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp.
- Viết được bài thu hoạch về đặc điểm một ngành kinh tế tiêu biểu của địa phương.
- Vẽ biểu đồ, phân tích biểu đồ, bảng số liệu liên quan đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế và các ngành kinh tế của Nam Định.
- Sử dụng bản đồ để trình bày được sự phân bố hoạt động kinh tế của địa phương.

Một góc thành phố Nam Định hiện nay.

BÀI 1

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ



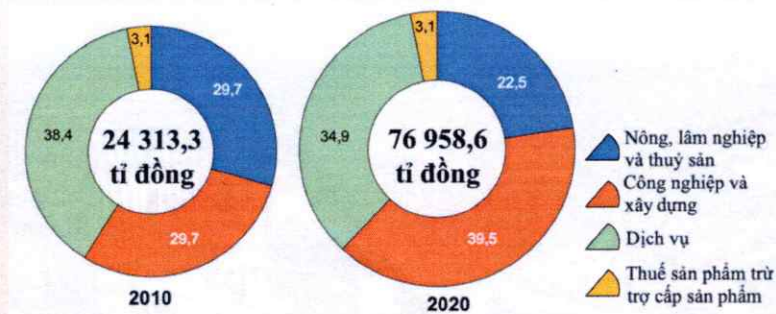
Nền kinh tế của tỉnh Nam Định phát triển tương đối sớm. Trước đây, Nam Định đã từng là một trong ba trung tâm kinh tế, thương mại của khu vực Bắc Bộ (Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định). Những năm gần đây, mặc dù gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu,... nhưng quy mô nền kinh tế của tỉnh vẫn từng bước tăng khá ổn định. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP¹) tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 – 2020 (theo giá so sánh năm 2010) đạt 7,11 %/năm, cao hơn mức bình quân 6,11 % của giai đoạn 2011 – 2015. Cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ cũng có bước chuyển dịch tích cực.



Cùng với xu thế đổi mới, hội nhập quốc tế, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá đang diễn ra trên cả nước, cơ cấu kinh tế của tỉnh Nam Định đã có bước chuyển dịch tích cực. Vậy cơ cấu kinh tế của tỉnh Nam Định đang chuyển dịch như thế nào?

I Cơ cấu kinh tế theo ngành

Cơ cấu kinh tế của tỉnh tiếp tục chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhưng còn chậm, tỉ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn còn cao (22,5 % - năm 2020).



Căn cứ vào hình 1, hãy cho biết cơ cấu GRDP phân theo ngành kinh tế của tỉnh Nam Định có sự thay đổi như thế nào? Nêu nguyên nhân dẫn tới sự thay đổi đó?

Hình 1. Biểu đồ cơ cấu GRDP phân theo ngành kinh tế của tỉnh Nam Định năm 2010 và năm 2020 (Đơn vị: %)

¹ GRDP (viết tắt của Gross Regional Domestic Product) – Tổng sản phẩm trên địa bàn, phản ánh: Toàn bộ kết quả cuối cùng của các hoạt động sản xuất của tất cả các đơn vị thường trú trong nền kinh tế của tỉnh trong một thời kì nhất định (thường là một năm).

Cơ cấu nội bộ các ngành kinh tế cũng có sự thay đổi nhằm tăng hiệu quả kinh tế, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của sản xuất và tiêu dùng.

Cơ cấu ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đang chuyển dịch theo hướng tăng dần tỉ trọng ngành thủy sản, giảm tỉ trọng ngành nông, lâm nghiệp; trong nông nghiệp (theo nghĩa hẹp), tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi, giảm tỉ trọng ngành trồng trọt.

Đối với khu vực công nghiệp và xây dựng, cơ cấu ngành và cơ cấu sản phẩm đang có sự thay đổi để phù hợp hơn với nhu cầu thị trường. Tỉ trọng của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tổng sản phẩm của tỉnh có xu hướng tăng nhanh trong những năm gần đây (năm 2020 chiếm 28,95 %, tăng 3,92 % so với năm 2016).

Khu vực dịch vụ từng bước được cơ cấu lại theo hướng nâng cao chất lượng, tập trung đầu tư cơ sở vật chất và phát triển đa dạng các sản phẩm, nhất là sản phẩm có năng lực cạnh tranh, giá trị gia tăng cao như: ngân hàng, viễn thông, bảo hiểm.

II Cơ cấu kinh tế theo thành phần kinh tế

Cơ cấu thành phần kinh tế của tỉnh đang có bước chuyển dịch theo hướng đa dạng hoá các thành phần kinh tế tham gia nhưng còn chậm.

Bảng 1. GRDP theo giá hiện hành phân theo thành phần kinh tế của tỉnh Nam Định năm 2015 và năm 2020.

(Đơn vị: %)

Năm	2015	2020
Nhà nước	15,6	13,8
Ngoài Nhà nước	77,4	73,7
Tập thể	4,7	3,1
Tư nhân	26,9	26,0
Cá thể	45,8	44,6
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	4,2	9,4
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	2,8	3,1
Tổng	100	100



1. Căn cứ vào bảng 1, hãy nhận xét sự thay đổi cơ cấu GRDP của tỉnh Nam Định phân theo thành phần kinh tế và giải thích nguyên nhân.
2. Hãy kể tên một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở tỉnh Nam Định.

III Cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ

Cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành, cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ của tỉnh Nam Định cũng có những chuyển biến nhất định.

- Trong nông nghiệp, phân hoá thành hai vùng nông nghiệp với những vùng trọng điểm sản xuất các nông sản chính:

+ Vùng Bắc sông Đào với các huyện Ý Yên, Vụ Bản, Mỹ Lộc và thành phố Nam Định. Ở đây chủ yếu trồng lúa, chuyên canh trồng màu, cây công nghiệp ngắn ngày, lợn thịt, bò thịt, cá nước ngọt,...

+ Vùng Nam sông Đào gồm các huyện Nam Trực, Trực Ninh, Xuân Trường, Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng. Ở đây chủ yếu trồng lúa năng suất cao, rau màu, nuôi trồng thủy sản, nuôi lợn thịt, lợn giống xuất khẩu,...

- Hoạt động công nghiệp tập trung chủ yếu ở thành phố Nam Định và các huyện Mỹ Lộc, Vụ Bản, Ý Yên.



Hãy kể tên một số mô hình sản xuất mới trong sản xuất nông nghiệp ở địa phương em sinh sống?



Năm 2020, trên địa bàn toàn tỉnh đã hình thành 30 mô hình liên kết chuỗi giá trị. Một số mô hình điển hình liên kết chuỗi giá trị, mang lại hiệu quả cao như: Mô hình trồng dứa liệu; mô hình lúa giống; mô hình lúa, gạo chất lượng cao,... Hiệu quả sản xuất trên 1 đơn vị diện tích không ngừng tăng lên, qua 5 năm giá trị sản phẩm trên 1 ha đất trồng trọt tăng từ 104,11 triệu đồng/ha năm 2016 lên 120,42 triệu đồng/ha năm 2020.



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Hoàn thành nội dung bảng theo mẫu sau:

Cơ cấu	Xu hướng chuyển dịch
Theo ngành kinh tế	?
Theo thành phần kinh tế	?
Theo lãnh thổ	?

2. Cho bảng số liệu sau:

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh Nam Định (GRDP) và các ngành kinh tế giai đoạn 2011 – 2020.

(Đơn vị: %)

Chỉ tiêu	2011 – 2015	2016 – 2020
GRDP	6,11	7,11
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	2,78	3,01
Công nghiệp và xây dựng	10,20	10,20
Dịch vụ	5,36	6,44

Từ bảng số liệu, hãy nhận xét tốc độ tăng trưởng GRDP và các ngành kinh tế của tỉnh Nam Định giai đoạn 2011 – 2020.

BÀI 2

ĐỊA LÍ NGÀNH NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN



Với lợi thế của một vùng đồng bằng châu thổ, lại đông dân, thị trường tiêu thụ rộng mở, trình độ lao động ngày càng tăng nên Nam Định thuận lợi để phát triển nhiều ngành kinh tế, tiêu biểu là sản xuất nông nghiệp.



Người dân Nam Định đã phát huy những thế mạnh của tỉnh ra sao?

I Vai trò và điều kiện phát triển

1. Vai trò

Nông nghiệp là ngành kinh tế truyền thống và có vai trò quan trọng trong nền kinh tế tỉnh Nam Định. Trước hết, sản xuất nông nghiệp có vai trò đảm bảo an ninh lương thực cho số dân đông của tỉnh, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông sản và hướng tới tạo nguồn hàng cho xuất khẩu.

Năm 2020, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn đóng góp tới 22,5 % GRDP của toàn tỉnh, thu hút lực lượng lao động đông đảo nhất (38,3 % tổng lao động).



Hãy cho biết, nơi em sinh sống ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đã cung cấp nguyên liệu để phát triển những ngành công nghiệp nào.

2. Điều kiện phát triển

a) Điều kiện tự nhiên

Điều kiện tự nhiên, tài nguyên đất, nước, khí hậu, sinh vật của tỉnh đã tạo thế mạnh để Nam Định phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm đặc biệt là trồng lúa, chăn nuôi lợn, gia cầm, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. Mùa đông lạnh với 2 đến 3 tháng lạnh dưới 18 °C đã tạo lợi thế để phát triển tập đoàn cây vụ đông cho hiệu quả kinh tế cao.

Tuy nhiên, quỹ đất nông nghiệp bình quân đầu người thấp và ngày càng giảm, nhiều nơi đất bạc màu, nguồn lợi thủy sản ven bờ suy giảm, thời tiết diễn biến thất thường, nhiều thiên tai, sâu bệnh, bệnh dịch,... đã gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp của tỉnh



Dựa vào kiến thức đã học, hãy phân tích những thuận lợi về tự nhiên để phát triển ngành trồng cây lương thực, thực phẩm của tỉnh Nam Định.

b) Điều kiện kinh tế – xã hội

Nguồn lao động đông đảo, có kinh nghiệm và trình độ. Thị trường tiêu thụ lớn cả nội tỉnh, các tỉnh lân cận cũng như thị trường xuất khẩu.

Cơ sở vật chất kĩ thuật và cơ sở hạ tầng cho ngành nông nghiệp được tăng cường nhất là hệ thống thủy lợi, trạm trại giống cây trồng, công nghiệp chế biến nông sản, mạng lưới giao thông nông thôn,...

Đặc biệt, tỉnh Nam Định đã thực hiện nhiều chính sách mới trong sản xuất nông nghiệp như đẩy mạnh cơ giới hoá, đề án tái cơ cấu ngành theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đã tạo đà cho nông nghiệp của tỉnh phát triển tích cực. Việc áp dụng các mô hình sản xuất mới, đặc biệt là mô hình “cánh đồng lớn”, “cánh đồng liên kết” đã giúp tăng hiệu quả sản xuất trên 1 đơn vị diện tích.

Tuy nhiên, do hạn chế về nguồn vốn, cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp, thủy sản chưa đáp ứng được yêu cầu, sự biến động của thị trường,... đã ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển của ngành.



Hãy kể tên một số mô hình sản xuất mới trong nông nghiệp ở nơi em sinh sống.



Những năm qua, cơ giới hoá nông nghiệp của tỉnh Nam Định đã có những bước tiến đáng khích lệ. Số lượng, chủng loại máy móc, thiết bị sử dụng trong nông nghiệp tăng nhanh, nhiều loại máy, thiết bị được áp dụng rộng rãi trong sản xuất, mức độ cơ giới hoá một số khâu đạt 100 %. Nhờ đó, đã nâng cao năng suất lao động và giá trị nông sản, tạo tiền đề quan trọng để xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, góp phần đáng kể vào tăng trưởng chung của toàn ngành. Việc hình thành cánh đồng lớn, các vùng sản xuất hàng hoá tập trung, hình thành các liên kết sản xuất – tiêu thụ,... cũng tạo thuận lợi để cơ giới hoá, đáp ứng nhu cầu lớn của thị trường.

Đề án tái cơ cấu nông nghiệp của tỉnh Nam Định đã xác định 5 cây trồng và 4 vật nuôi chủ lực là: lúa (lúa chất lượng cao, lúa giống), lạc, ngô, khoai tây và đậu tương; lợn (lợn thịt siêu nạc, lợn sữa), gà (gà thịt, gà trứng), ngao và tôm (tôm thẻ chân trắng, tôm sú).

II Tình hình phát triển và phân bố

Hoạt động nông, lâm nghiệp và thủy sản tỉnh Nam Định phát triển khá toàn diện theo hướng sản xuất hàng hoá.

1. Ngành nông nghiệp

Tốc độ tăng trưởng trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh Nam Định luôn duy trì ở mức khá cao. Theo giá so sánh năm 2010, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp bình quân giai đoạn 2016 – 2020 tăng 1,14 %/năm. Tỷ trọng của nông nghiệp trong cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm khá nhanh nhưng vẫn chiếm tỷ trọng cao (khoảng 48 % - năm 2020).

a) Ngành trồng trọt

Ngành trồng trọt có cơ cấu cây trồng khá đa dạng. Bên cạnh cây trồng chủ đạo là cây lúa, Nam Định còn trồng các loại cây ăn quả, rau đậu, hoa, cây công nghiệp, cây cảnh, cây dược liệu,...

Năm 2020, tổng diện tích gieo trồng lúa toàn tỉnh là 145,4 nghìn ha, sản lượng lúa đạt trên 883,2 nghìn tấn (chiếm tới 97,8 % diện tích và 98,1 % sản lượng lương thực có hạt của toàn tỉnh). Lúa được trồng nhiều nhất ở các huyện: Ý Yên, Hải Hậu và Nghĩa

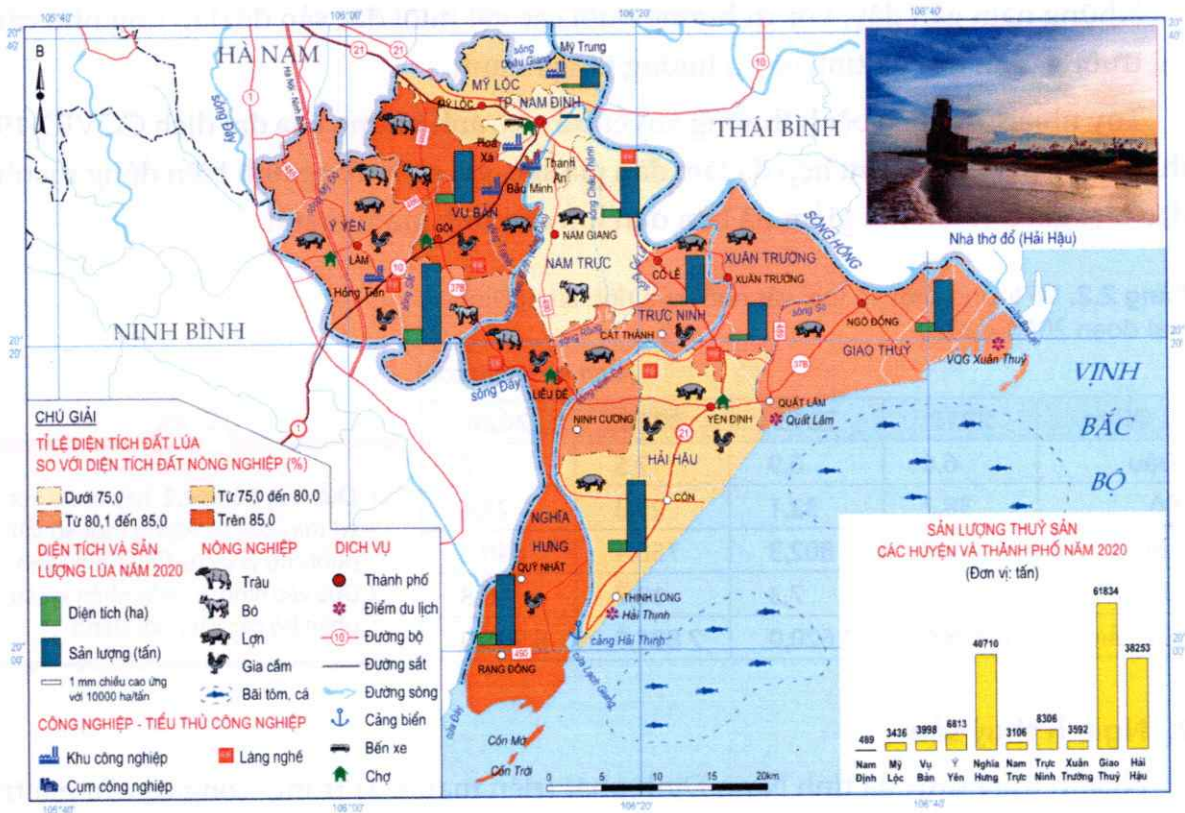
Bảng 2.1. Diện tích, sản lượng và sản lượng lương thực có hạt bình quân của tỉnh Nam Định giai đoạn 2010 – 2020.

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2010	2015	2020
– Diện tích cây lương thực có hạt (nghìn ha)	163,9	158,9	148,7
Trong đó lúa	159,0	154,4	145,4
– Sản lượng lương thực có hạt (nghìn tấn)	972,4	954,8	899,8
Trong đó lúa	952,0	935,2	883,2
– Sản lượng lương thực có hạt bình quân (kg/người)	531,0	516,0	505,0

1. Dựa vào bảng 2.1, hãy tính năng suất lúa và nhận xét tình hình phát triển ngành trồng cây lương thực của tỉnh Nam Định giai đoạn 2010 – 2020. Giải thích tại sao, năng suất lúa giảm nhưng sản lượng lúa vẫn tăng?

2. Dựa vào hình 2.1, hãy nhận xét sự phân bố ngành trồng lúa.



Hình 2.1. Bản đồ kinh tế chung tỉnh Nam Định năm 2020.

Vụ đông với các cây trồng chính như ngô, rau đậu, cà chua,... đang được khai thác để trở thành vụ sản xuất chính trong nông nghiệp. Diện tích trồng rau, đậu ổn định ở mức khoảng 15 nghìn ha/năm, sản lượng 240 – 260 nghìn tấn/năm.

Các mô hình mới trong liên kết tổ chức sản xuất, tiêu thụ nông sản hàng hoá theo chuỗi giá trị và các vùng sản xuất chuyên canh tập trung theo mô hình “cánh đồng lớn”, “cánh đồng liên kết”, cho hiệu quả kinh tế cao.

b) Ngành chăn nuôi

Ngành chăn nuôi đang chuyển dần từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại, gia trại và ứng dụng công nghệ cao giúp tăng hiệu quả kinh tế.

Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp, tỉ trọng chăn nuôi tăng khá nhanh (năm 2010 là 34,9 % đến 2020 là 50,9 %).

Các vật nuôi chủ yếu là lợn, gia cầm, trâu, bò; trong đó chăn nuôi lợn là chủ lực. Năm 2020, tổng đàn lợn toàn tỉnh đạt khoảng 640 nghìn con (chiếm 14,1 % tổng đàn lợn của Đồng bằng sông Hồng – đứng đầu trong các tỉnh của vùng). Hai tỉnh có đàn lợn lớn nhất là Ý Yên và Hải Hậu (chiếm 38,2 % đàn lợn toàn tỉnh năm 2020).

Những năm gần đây, với xu hướng nuôi các vật nuôi đặc sản để đáp ứng nhu cầu thị trường, đàn dê của tỉnh có xu hướng tăng nhanh.

Tuy nhiên, do dịch bệnh thường xuyên xảy ra, ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, thị trường tiêu thụ bị thu hẹp đã làm đàn gia súc, gia cầm trong tỉnh biến động mạnh, đặc biệt giá thịt lợn hơi giảm đã làm đàn lợn của tỉnh giảm mạnh.

Bảng 2.2. Số lượng một số loại vật nuôi của tỉnh Nam Định giai đoạn 2010 – 2020.

(Đơn vị: nghìn con)

Năm	2010	2015	2018	2020
Trâu	6,6	6,9	7,5	7,7
Bò	38,2	32,1	29,3	28,4
Lợn	742,7	802,3	758,4	640,0
Dê	1,9	7,3	10,7	10,8
Gia cầm	6 428,0	7 620,0	7 886,0	8 925,0

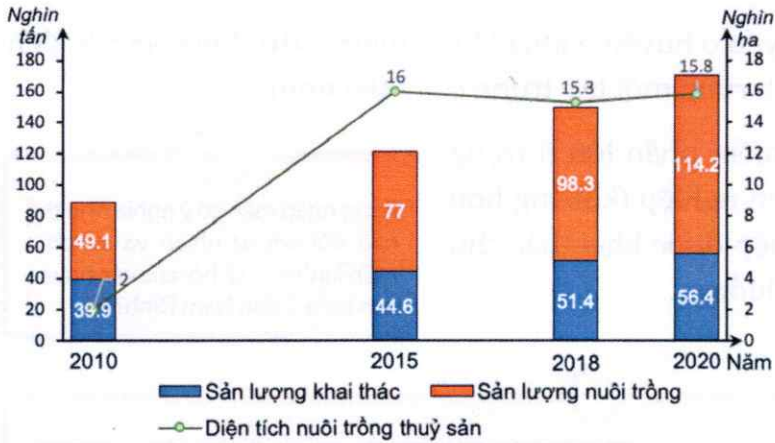


1. Dựa vào bảng 2.2, hãy nhận xét sự thay đổi số lượng một số vật nuôi chủ yếu của tỉnh Nam Định.
2. Dựa vào hình 2.1, hãy nhận xét sự phân bố các vật nuôi chính.

2. Ngành thủy sản

Ngành thủy sản của tỉnh Nam Định phát triển mạnh. Tỉ trọng trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng nhanh (từ 24,1 % năm 2016 lên 30,27 % năm 2020).

Tổng sản lượng thủy sản tăng khá mạnh, trong đó nuôi trồng chiếm ưu thế và ngày tăng tỉ trọng trong cơ cấu sản lượng thủy sản.



Hình 2.2. Biểu đồ diện tích và sản lượng thủy sản của tỉnh Nam Định giai đoạn 2010 – 2020.

Nuôi trồng thủy sản được xác định là khâu đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở tỉnh Nam Định. Hoạt động nuôi trồng phát triển mạnh ở cả vùng nước mặn, nước lợ và nước ngọt. Đối tượng nuôi trồng và hình thức nuôi trồng ngày càng đa dạng. Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ đã trở thành một nghề sản xuất hàng hoá, cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến xuất khẩu, mang lại hiệu quả cao.

Số lượng và công suất tàu thuyền khai thác thủy sản tăng đã giúp mở rộng ngư trường và tăng sản lượng thủy sản khai thác.

1. Dựa vào hình 2.2, hãy nhận xét sự thay đổi sản lượng và diện tích nuôi trồng thủy sản của tỉnh Nam Định.
2. Giải thích tại sao ở tỉnh Nam Định ngành nuôi trồng thủy sản phát triển nhanh hơn khai thác?

1. Dựa vào kiến thức đã học, hãy cho biết hình thức nuôi trồng thủy sản ở tỉnh Nam Định có sự thay đổi như thế nào.
2. Hãy nêu một số biện pháp giúp ngành thủy sản của tỉnh Nam Định tăng hiệu quả kinh tế và phát triển bền vững.

Tỉnh Nam Định đã hình thành 50 vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, trong đó đã hình thành một số mô hình liên kết chuỗi giá trị mang lại hiệu quả cao như: mô hình nuôi cá bống bớp ở huyện Nghĩa Hưng; mô hình liên kết chuỗi sản xuất, chế biến ngao ở các huyện Giao Thủy, Nghĩa Hưng,...

3. Ngành lâm nghiệp

Các hoạt động sản xuất lâm nghiệp bao gồm: trồng và chăm sóc rừng, khai thác gỗ và lâm sản, các dịch vụ lâm nghiệp. Trong đó, quan trọng nhất là việc trồng và chăm sóc rừng.

Hiện nay, tổng diện tích đất có rừng của tỉnh Nam Định khoảng 3,1 nghìn ha, chủ yếu là rừng phòng hộ (hơn 1,7 nghìn ha) và rừng đặc dụng (gần 1,1 nghìn ha). Diện tích rừng trồng mới tập trung trong thời gian gần đây có xu hướng giảm. Năm 2016, trồng mới tập trung 146 ha rừng đến năm 2020 giảm còn 43 ha. Rừng trồng mới đều là

rừng phòng hộ, tập trung chủ yếu ở huyện Nghĩa Hưng (năm 2016 chiếm 48,6 % đến năm 2020 chiếm 100 % diện tích rừng mới tập trung của toàn tỉnh).

Khai thác gỗ và lâm sản chiếm phần lớn tỉ trọng trong cơ cấu giá trị sản xuất lâm nghiệp (khoảng hơn 90 %). Các sản phẩm lâm nghiệp được khai thác chủ yếu là gỗ tròn, gỗ củi, tre nứa, luồng,...



Rừng ngập mặn có ý nghĩa như thế nào đối với tự nhiên và sự phát triển kinh tế – xã hội của các huyện ven biển ở tỉnh Nam Định?



“Phát huy tiềm năng, làm giàu từ rừng ngập mặn” với các mô hình như: trồng nấm, nuôi ong lấy mật, du lịch sinh thái cộng đồng, nuôi thủy sản dưới chân rừng ngập mặn,... vừa giúp duy trì, bảo vệ rừng ngập mặn, vừa tạo nguồn sống cho người dân ven biển tỉnh Nam Định. Sản phẩm mật ong rừng sù, vệt của Vườn quốc gia Xuân Thủy đã được Cục Sở hữu trí tuệ chứng nhận đăng kí nhãn hiệu năm 2013.

Về giá trị dược liệu, mật ong nguyên chất hoa sù, vệt đặc biệt tốt cho điều trị các bệnh về đường tiêu hoá và dạ dày.



Hình 2.3. Mô hình nuôi ong tại vùng lõi Vườn quốc gia Xuân Thủy.

Nguồn: Phóng viên Lê Việt Thắng – Báo Nam Định



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Phân tích những thuận lợi và khó khăn để phát triển ngành thủy sản ở tỉnh Nam Định.
2. Giải thích tại sao chăn nuôi lợn và gia cầm là thế mạnh trong chăn nuôi của tỉnh Nam Định?
3. Dựa vào bảng 2.2, hãy:
 - a) Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện số lượng một số vật nuôi chính của tỉnh Nam Định (tự chọn 3 trong số các vật nuôi có trong bảng).
 - b) Nhận xét sự tăng/ giảm số lượng một số vật nuôi chính và giải thích.

BÀI 3

ĐỊA LÍ NGÀNH CÔNG NGHIỆP



Nam Định là tỉnh có nền sản xuất công nghiệp phát triển khá sớm với nhiều ngành nghề truyền thống và từng là một trong những trung tâm dệt may hàng đầu cả nước. Trong xu thế phát triển nền kinh tế thị trường, hội nhập với thế giới, ngành công nghiệp của tỉnh gặp nhiều khó khăn và dần đánh mất lợi thế so với các tỉnh, thành phố trong khu vực.

? Để phát huy thế mạnh về công nghiệp, tỉnh Nam Định cần phải làm như thế nào?

I Vai trò và điều kiện phát triển

1. Vai trò

Hoạt động công nghiệp có vai trò quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm và nâng cao đời sống người dân tỉnh Nam Định. Công nghiệp còn tạo các mặt hàng xuất khẩu quan trọng.

Năm 2020, ngành công nghiệp đã tạo việc làm và thu nhập cho khoảng 212 nghìn người, chiếm 21 % lực lượng lao động toàn tỉnh.

2. Điều kiện phát triển

NHÂN TỐ	ĐẶC ĐIỂM	ẢNH HƯỞNG
Vị trí địa lí	- Gần trung tâm đồng bằng sông Hồng, giáp biển. - Liên kề vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc,...	- Thuận lợi vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm công nghiệp. - Hình thành các khu, cụm công nghiệp.
	Khoáng sản hạn chế; đáng kể có sét, cao lanh, cát xây dựng,...	Phát triển một số ngành công nghiệp: sản xuất gạch, ngói,...
Tự nhiên	Nguồn nước dồi dào, có một số điểm nước khoáng.	Cung cấp nước cho sản xuất công nghiệp; sản xuất nước giải khát,...
	Điều kiện đất, nước, khí hậu, sinh vật, ... thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, thủy sản.	Cung cấp nguyên liệu phong phú cho công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, công nghiệp dược phẩm,...
	- Dân đông, lao động trẻ, dồi dào, trình độ cao, ... - Thị trường tiêu thụ lớn.	Phát triển các ngành cần nhiều lao động (dệt may, da giày,...), ngành cần lao động kĩ thuật cao (dược phẩm).



Dựa vào kiến thức đã học và liên hệ thực tế, hãy lấy ví dụ làm rõ các vai trò của công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định.

Kinh tế – xã hội	Cơ sở hạ tầng được đầu tư nâng cấp (đường bộ, đường thủy, cảng biển,...)	Tạo thuận lợi để phát triển công nghiệp, thu hút đầu tư,...
	Chính sách có nhiều đổi mới; thu hút đầu tư trong, ngoài nước; xây dựng các khu, cụm công nghiệp,...	Tạo động lực mới để khai thác tiềm năng, thúc đẩy công nghiệp phát triển,...

Hình 3.1. Sơ đồ nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp tỉnh Nam Định.



Dựa vào kiến thức đã học và liên hệ thực tế, hãy lấy ví dụ để làm rõ ảnh hưởng của các nhân tố tới sự phát triển và phân bố công nghiệp ở tỉnh Nam Định.

II Tình hình phát triển và phân bố

1. Tình hình phát triển

Giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng không ngừng tăng lên. Tốc độ tăng của ngành luôn cao hơn so với tốc độ tăng GRDP (giai đoạn 2016 – 2020 tăng 10,2 % năm, riêng công nghiệp tăng 12,79 %/năm); tỉ trọng của công nghiệp và xây dựng trong GRDP tỉnh Nam Định tăng từ 35,2 % năm 2016 lên 39,5 % năm 2020. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng công nghiệp của tỉnh vẫn thấp hơn mức tăng trung bình của vùng Đồng bằng sông Hồng.

Bảng 3.1. Giá trị và chỉ số sản xuất công nghiệp của tỉnh Nam Định giai đoạn 2016 – 2020.

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Giá trị sản xuất (tỉ đồng)	17 852	20 451	23 964	27 907	30 381
Chỉ số sản xuất (%)	109,93	109,41	111,25	113,76	107,67

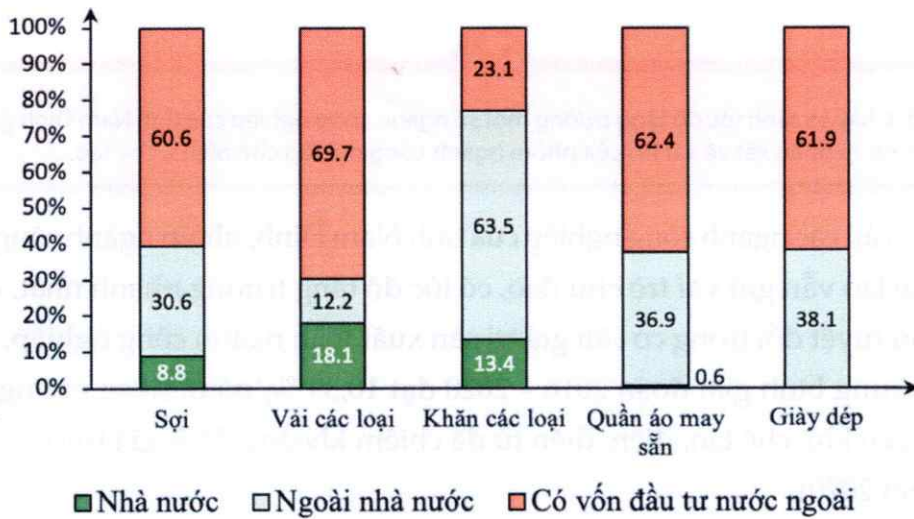


- Dựa vào bảng 3.1, hãy nhận xét sự thay đổi giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh Nam Định giai đoạn 2016 – 2020.
- Kể tên một số sản phẩm công nghiệp tiêu biểu ở địa phương em cư trú?

- Công nghiệp thu hút ngày càng nhiều thành phần kinh tế tham gia.

Chủ yếu vẫn là sự tham gia của khu vực ngoài Nhà nước. Hiện nay, khu vực ngoài Nhà nước chiếm gần 100 % sản lượng sản phẩm của nhiều ngành chủ lực như: công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm (gạo xay xát, thịt lợn đông lạnh, nước mắm, bánh kẹo các loại, rượu, bia), công nghiệp dược phẩm, sản xuất muối,...

Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài còn chiếm tỉ trọng thấp, chủ yếu trong lĩnh vực dệt may, da giày.



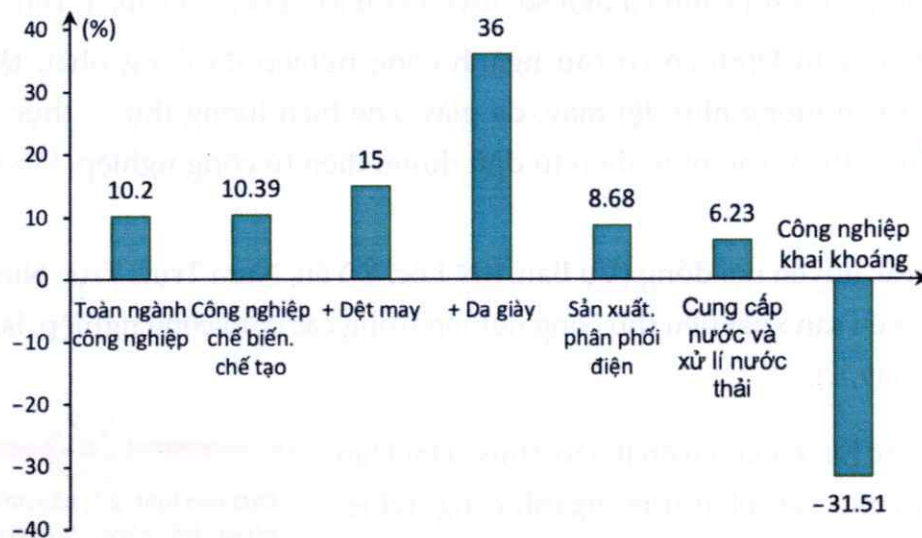
Hình 3.2. Biểu đồ cơ cấu sản lượng một số sản phẩm công nghiệp phân theo thành phần kinh tế của tỉnh Nam Định năm 2020

- Cơ cấu ngành ngày càng đa dạng:

Bên cạnh các ngành công nghiệp truyền thống thu hút nhiều lao động như: dệt may, chế biến lương thực - thực phẩm, Nam Định đã bắt đầu xây dựng, phát triển một số ngành công nghiệp hiện đại như công nghiệp hoá chất (sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu). Đặc biệt, Nam Định chú trọng khôi phục và phát triển tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề truyền thống để tạo ra nhiều sản phẩm cho xuất khẩu.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu: sản xuất muối biển, nước mắm, công nghiệp dệt may, da giày, công nghiệp sản xuất gỗ, mây tre đan, chế biến thịt lợn,...

- Các ngành công nghiệp tiêu biểu:



Hình 3.3. Biểu đồ tốc độ tăng trưởng công nghiệp tỉnh Nam Định giai đoạn 2016 – 2020.



Dựa vào hình 3.3, hãy so sánh tốc độ tăng trưởng một số ngành công nghiệp của tỉnh Nam Định giai đoạn 2016 – 2020 và rút ra nhận xét về vai trò của nhóm ngành công nghiệp chế biến – chế tạo.

+ Trong cơ cấu các ngành công nghiệp của tỉnh Nam Định, nhóm ngành công nghiệp chế biến – chế tạo vẫn giữ vai trò chủ đạo, có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất, chiếm tỉ trọng gần như tuyệt đối trong cơ cấu giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp. (Tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2016 – 2020 đạt 10,39 %/năm; riêng các ngành dệt may, da giày, cơ khí, chế tạo, điện, điện tử đã chiếm khoảng 72 % giá trị công nghiệp của tỉnh – năm 2020),

+ Công nghiệp dệt may là ngành truyền thống, phát triển từ lâu đời, dựa trên lợi thế về nguồn lao động dồi dào, giá rẻ. Nhờ đổi mới trang thiết bị, thay đổi mẫu mã sản phẩm cho phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng nên ngành dệt may có tốc độ tăng trưởng cao, tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh. Giai đoạn 2016 – 2020, kim ngạch xuất khẩu đạt 6 092 triệu USD.

+ Công nghiệp sản xuất da giày có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất (mức tăng bình quân hơn 36 %/năm), mang lại kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2016 – 2020 đạt 905 triệu USD.

2. Phân bố

Hoạt động công nghiệp phân bố rộng nhưng không đều trên lãnh thổ, phát triển mạnh ở thành phố Nam Định và một số huyện như Mỹ Lộc, Vụ Bản, Ý Yên.

Thành phố Nam Định có cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng nhất, tập trung các ngành truyền thống như dệt may, da giày, chế biến lương thực – thực phẩm,... và các ngành kĩ thuật cao như: điện tử dân dụng, điện tử công nghiệp, lắp ráp ô tô, xe máy,...

Khu vực các huyện nội đồng (Vụ Bản, Mỹ Lộc, Ý Yên, Nam Trực, Trực Ninh, Xuân Trường) chủ yếu sản xuất tiểu thủ công nghiệp trong các cụm công nghiệp, làng nghề (cơ khí, dệt may,...).

Khu vực các huyện ven biển (Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng) chủ yếu phát triển ngành công nghiệp chế biến hải sản, sản xuất muối, vật liệu xây dựng, dệt cói,...



Dựa vào hình 2.1, hãy nhận xét sự phân bố công nghiệp ở tỉnh Nam Định.

III Một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp

Việc hình thành các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp có ý nghĩa lớn đối với việc sử dụng hợp lí nguồn lực, thu hút các nguồn đầu tư bên ngoài và thúc đẩy sự phát triển công nghiệp bền vững.

Các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp phổ biến trên địa bàn tỉnh Nam Định là các điểm công nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và có 1 trung tâm công nghiệp. Trong đó, hình thức khu công nghiệp, cụm công nghiệp phát triển mạnh và có vai trò lớn đối với sự phát triển công nghiệp của tỉnh.

Từ rất sớm, thành phố Nam Định đã trở thành một trung tâm công nghiệp quan trọng ở phía nam Đồng bằng sông Hồng. Trung tâm công nghiệp Nam Định có quy mô giá trị sản xuất thuộc loại vừa so với các trung tâm công nghiệp của cả nước. Một số ngành chủ lực như dệt may, sản xuất thuốc và hoá dược,... đứng trong hàng đầu của cả nước.

Đến năm 2020, toàn tỉnh có 4 khu công nghiệp (Hoà Xá, Bảo Minh, Mỹ Trung, Rạng Đông) với tổng diện tích 1 110 ha, thu hút được 178 dự án đầu tư trong nước và 44 dự án đầu tư nước ngoài, giải quyết việc làm cho trên 45 000 lao động. Có 24 cụm công nghiệp được thành lập; trong đó, có 19 cụm công nghiệp đi vào hoạt động, thu hút 485 dự án đầu tư và tạo việc làm cho 20 260 lao động.

Việc khôi phục và phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp đã tạo điều kiện cho các làng nghề của tỉnh phục hồi và phát triển. Hiện toàn tỉnh có 142 làng nghề, trong đó có 80 làng nghề được Ủy ban Nhân dân tỉnh công nhận. Trong đó, tập trung nhiều nhất ở các huyện Hải Hậu với 41 làng nghề; huyện Ý Yên 25 làng nghề; huyện Nam Trực 21 làng nghề,... Nhóm làng nghề truyền thống (trên 50 năm tuổi) có 29 làng nghề với các sản phẩm như: chạm khắc gỗ La Xuyên (Ý Yên), làng đúc đồng Tống Xá (Ý Yên), trồng hoa cây cảnh Vị Khê (Nam Trực), cơ khí Vân Chàng (Nam Trực), cơ khí Xuân Tiến (Xuân Trường),...

Tuy nhiên, việc phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các làng nghề tiểu thủ công nghiệp đã đặt ra nhiều vấn đề môi trường cấp bách như: ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm không khí,...



Hãy kể tên một số làng nghề có ở địa phương nơi em sống. Việc phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp có vai trò như thế nào đối với sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định?



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Phân tích thế mạnh để phát triển ngành công nghiệp dệt may, da giày hoặc công nghiệp chế biến lương thực – thực phẩm ở tỉnh Nam Định.
2. Việc phát triển các làng nghề có ảnh hưởng như thế nào tới môi trường ở địa phương? Hãy đề xuất một số giải pháp nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường từ các làng nghề.
3. Dựa bảng số liệu sau:

**Một số sản phẩm công nghiệp
của tỉnh Nam Định giai đoạn 2011 – 2020.**

Sản phẩm	2011	2016	2018	2019	2020
Quần áo may sẵn (triệu cái)	98,9	181,9	221,3	257,5	273,2
Thịt lợn đông lạnh (nghìn tấn)	2,1	2,7	2,9	2,5	2,8

- a) Vẽ biểu đồ thích hợp so sánh sản lượng quần áo may sẵn và sản lượng thịt lợn đông lạnh của tỉnh Nam Định giai đoạn 2011 – 2020.
- b) Nhận xét và giải thích.

BÀI 4

ĐỊA LÍ NGÀNH DỊCH VỤ



Giao thông vận tải, thương mại và du lịch là các ngành dịch vụ có vai trò rất lớn trong hoạt động kinh tế và phục vụ nhu cầu của nhân dân trong tỉnh.



Các ngành dịch vụ ở Nam Định có điều kiện và hiện trạng phát triển như thế nào?

I Vai trò và điều kiện phát triển

1. Vai trò

Ngành dịch vụ có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các hoạt động kinh tế và phục vụ nhu cầu của nhân dân trong tỉnh. Tuy nhiên hiện nay, ngành dịch vụ của Nam Định còn giữ vị trí khiêm tốn trong cơ cấu GRDP và có số lao động tham gia chưa nhiều (năm 2020, đóng góp 34,9 % GRDP và giải quyết việc làm cho 27 % lao động).

2. Điều kiện phát triển

Với vị trí ở phía nam của Đồng bằng sông Hồng, tiếp giáp vịnh Bắc Bộ, nằm trên trục đường sắt Bắc - Nam và tuyến đường ven biển quốc gia, trong khu vực ảnh hưởng của tam giác tăng trưởng Bắc Bộ (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh),... Nam Định khá thuận lợi phát triển nhiều loại hình dịch vụ.

Dân số đông, mức sống ngày càng tăng và các ngành kinh tế phát triển khá mạnh nên nhu cầu về các ngành dịch vụ lớn và đa dạng. Cơ sở vật chất kĩ thuật và hạ tầng của tỉnh đang được đầu tư, cải thiện. Thực hiện chính sách cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử,... tạo điều kiện để các ngành dịch vụ của tỉnh phát triển.

Nam Định có tài nguyên du lịch văn hoá vô cùng phong phú đa dạng (hơn 4 000 di tích lịch sử - văn hoá, nhiều lễ hội truyền thống và làng nghề cổ truyền,...) tạo thế mạnh để phát triển du lịch tâm linh. Du lịch sinh thái (vườn quốc gia Xuân Thủy), du lịch biển cũng có điều kiện phát triển.



Đọc thông tin và liên hệ thực tế, hãy tìm một số ví dụ cụ thể về vai trò của ngành dịch vụ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Nam Định.

Tuy nhiên, do hạn chế về nguồn vốn, quy mô nền kinh tế còn nhỏ, ảnh hưởng của dịch bệnh,... nên ngành dịch vụ của tỉnh Nam Định phát triển còn chậm, chưa tương xứng với tiềm năng.



Hãy kể tên một số tài nguyên du lịch nhân văn tiêu biểu ở địa phương nơi em sinh sống.

II Tình hình phát triển và phân bố

Hoạt động dịch vụ của tỉnh phát triển khá toàn diện, tốc độ tăng trưởng khá (giai đoạn 2015 – 2020, tốc độ tăng bình quân đạt 8,1 %/năm). Một số ngành tăng trưởng nhanh như thương mại, ngân hàng, viễn thông,...

1. Ngành giao thông vận tải

Giao thông vận tải là một trong những lĩnh vực được ưu tiên hàng đầu trong đầu tư phát triển nhằm tạo điều kiện thúc đẩy các ngành kinh tế khác tăng trưởng. Hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh có những chuyển biến tích cực cả về số lượng và chất lượng phục vụ. Các cơ sở kinh doanh vận tải không ngừng cải tiến và hoàn thiện phương thức kinh doanh theo cơ chế thị trường, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đi lại của dân cư và nhu cầu vận chuyển hàng hoá phục vụ sản xuất, đời sống.

- Mạng lưới giao thông gồm nhiều loại (đường bộ, đường sắt, đường sông, đường biển), phân bố rộng khắp.

+ Tuyến đường sắt Bắc - Nam chạy qua Nam Định dài 42 km với các hệ thống nhà ga: Cầu Họ, Đặng Xá, Nam Định, Trình Xuyên, Gôi, Cát Đằng. Các ga này đều nằm dọc Quốc lộ 21A và Quốc lộ 10 nên rất thuận tiện cho nhu cầu đi lại của nhân dân cũng như vận chuyển hàng hoá.

+ Mạng lưới đường ô tô phân bố rộng khắp tới tận các thôn, xóm với tổng chiều dài 6 797 km. Chất lượng đường tốt, thường xuyên được cải tạo, duy tu, bảo dưỡng. Việc hoàn thành các tuyến đường như: tuyến đường bộ mới nối Quốc lộ 10 với Quốc lộ 21; cầu Tân Phong vượt sông Đào, cầu Thịnh Long; trục đường kết nối vùng kinh tế biển Nam Định với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, tuyến đường bộ ven biển,... đã tăng năng lực vận tải và khả năng cạnh tranh của tỉnh.

+ Vận tải đường sông, biển là một trong những ưu thế lớn của Nam Định trong phát triển kinh tế. Bốn sông lớn là sông Hồng, sông Đào, sông Đáy và sông Ninh Cơ với chiều dài 251 km và hệ thống sông nội đồng dài 279 km, vận tải đường sông có mặt ở tất cả các huyện, thành phố trong tỉnh.

- Do cơ sở hạ tầng được tăng cường (hệ thống nhà kho, bến bãi,... cũng được nâng cấp), công tác tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động vận tải có tiến bộ nên số lượt hành khách và hàng hoá vận chuyển đều có xu hướng tăng.

Bảng 4.1. Tổng khối lượng hàng hoá và hành khách vận chuyển của tỉnh Nam Định giai đoạn 2010 – 2020.

Năm	2010	2015	2019	2020
Tổng khối lượng hàng hoá vận chuyển (nghìn tấn)	15 854	22 952	36 229	35 446
Trong đó:				
– Đường bộ	5 365	8 407	15 245	13 960
– Đường sông	9 632	11 525	16 512	15 607
– Đường biển	857	3 020	4 472	5 879
Tổng hành khách vận chuyển (nghìn người)	9 067	11 733	21 642	20 753

Doanh thu của hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải giai đoạn 2016 – 2020 đạt 24 139 tỉ đồng, bình quân giai đoạn tăng 8,6 %/năm; trong đó, doanh thu năm 2020 đạt 5 365 tỉ đồng, gấp 1,36 lần so với năm 2016.



1. Dựa vào bảng 4.1, hãy nhận xét sự thay đổi khối lượng hàng hoá và số lượt hành khách vận chuyển của ngành vận tải tỉnh Nam Định.
2. Dựa vào hình 2.1, hãy xác định một số tuyến giao thông quan trọng của tỉnh Nam Định.



Để phục vụ cho nhu cầu vận tải, hệ thống nhà kho, bến cảng cũng đã được đầu tư mạnh mẽ. Trong đó hai cảng quan trọng nhất là cảng Nam Định và cảng Hải Thịnh. Cảng sông Nam Định thuộc địa bàn thành phố Nam Định có chiều dài bến 500 m dọc theo bờ hữu sông Đào, năng lực thông qua cảng trung bình 800 vạn tấn/năm. Cảng biển Thịnh Long được xây dựng tại cửa sông Ninh Cơ, thuộc địa phận thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu với hai cầu tàu dài 200 m, một nhà kho kín rộng 900 m², bãi xếp dỡ 5,5 ha đảm bảo cho tàu 400 – 2 000 tấn cập bến. Năng lực thông qua cảng đạt khoảng 30 vạn tấn/năm.

2. Ngành bưu chính, viễn thông

Ngành bưu chính, viễn thông phát triển nhanh, không ngừng hiện đại hoá thiết bị kĩ thuật, thông tin liên lạc đảm bảo thông suốt trong nước và quốc tế; dịch vụ bưu chính, viễn thông ngày một đa dạng đáp ứng tốt yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh, an ninh quốc phòng và đời sống nhân dân. Hạ tầng, mạng lưới viễn thông, internet của Nam Định trong những năm gần đây không ngừng được phát triển, hiện đại hoá rộng khắp, băng thông rộng tốc độ cao, hoạt động ổn định.

Tổng số thuê bao điện thoại năm 2020 đạt 1 694,8 nghìn thuê bao, giảm 252 nghìn thuê bao so với năm 2016; trong đó, số thuê bao điện thoại di động 1 678 nghìn thuê bao, thuê bao cố định 16,8 nghìn thuê bao. Hằng năm, số thuê bao di động đều chiếm trên 97 % tổng số thuê bao, trong khi thuê bao điện thoại cố định có xu hướng

giảm dần. Số thuê bao internet băng thông rộng có sự tăng trưởng mạnh mẽ qua các năm. Năm 2020 đạt 283,6 nghìn thuê bao, gấp 2,37 lần số thuê bao so với năm 2016.

Doanh thu hoạt động viễn thông giai đoạn 2016 – 2020 đạt 959 tỉ đồng; trong đó, năm 2020 đạt 277 tỉ đồng, gấp 2,13 lần so với năm 2016.

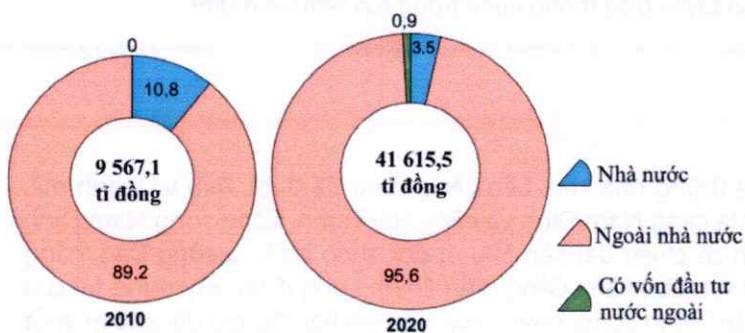
3. Ngành thương mại

Dưới tác động của chính sách mới, sự phát triển của kinh tế và nâng cao đời sống dân cư, hoạt động thương mại dịch vụ trên địa bàn tỉnh phát triển ngày càng mạnh.

a) Nội thương

Hoạt động buôn bán trên địa bàn tỉnh diễn ra sôi động, hàng hoá lưu thông trên thị trường ngày càng phong phú.

Mạng lưới bán hàng rộng khắp, ngoài các hệ thống chợ truyền thống đã hình thành các siêu thị, cửa hàng với hình thức bán hàng hiện đại, tiện ích, giá cả hàng hoá ổn định, chất lượng đảm bảo, thu hút nhiều tầng lớp người tiêu dùng. Năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 18 siêu thị hiện đại, 105 cửa hàng tiện ích, 200 chợ dân sinh,... giữ vai trò quan trọng trong việc cung ứng và tiêu thụ hàng hoá.



Hình 4. Biểu đồ cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hoá theo giá hiện hành phân theo thành phần kinh tế của tỉnh Nam Định năm 2010 và năm 2020 (Đơn vị: %).

Căn cứ vào hình 4, hãy nhận xét sự thay đổi về quy mô và cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hoá phân theo thành phần kinh tế của tỉnh Nam Định.

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong giai đoạn 2015 – 2020 liên tục tăng cao. Năm 2020 đạt 47 088 tỉ đồng, gấp 1,46 lần so với năm 2016. Trong đó, riêng tổng mức bán lẻ hàng hoá đạt 41 615,5 tỉ đồng, chiếm 88,4 %.

Hoạt động bán lẻ hàng hoá thu hút ngày càng nhiều thành phần kinh tế tham gia, trong đó khu vực ngoài nhà nước luôn chiếm tỉ trọng cao nhất và ngày càng tăng (năm 2020 đạt 95,6 %), khu vực Nhà nước và có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỉ trọng nhỏ và xu hướng giảm.

Hoạt động buôn bán diễn ra không đồng đều trên địa bàn tỉnh. Nơi buôn bán tập nập nhất và có tổng mức bán lẻ hàng hoá lớn nhất là thành phố Nam Định. Vốn là một đô thị lâu đời, thành phố Nam Định được biết đến như là một đầu mối giao thương hàng hoá ở Bắc Bộ với hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại khá phát triển. Tiêu biểu nhất phải kể đến là chợ Rồng, chợ Mỹ Tho nằm ở trung tâm thành phố.


b) Hoạt động xuất, nhập khẩu

Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hoá của Nam Định đạt được những kết quả tích cực với kim ngạch hai chiều tăng mạnh.

Bảng 4.2. Trị giá xuất, nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Nam Định giai đoạn 2010 – 2020.

(Đơn vị: triệu USD)

Năm	2010	2015	2018	2020
Tổng số	471,7	1 736,9	2 691,5	3 277,3
- Xuất khẩu	255,1	981,0	1 610,7	2 093,0
- Nhập khẩu	216,6	755,9	1 080,8	1 184,3



Dựa vào bảng 4.2, hãy:

1. Tính cán cân xuất nhập khẩu.
2. Nhận xét sự thay đổi trị giá xuất, nhập khẩu và cán cân xuất, nhập khẩu của tỉnh Nam Định.

Tổng kim ngạch xuất, nhập hàng hoá tăng liên tục, tăng mạnh. Năm 2020 đạt 3 277,3 triệu USD.

Cơ cấu hàng xuất, nhập khẩu ngày càng đa dạng. Chủ yếu xuất khẩu các mặt hàng gia công, lắp ráp như: hàng may mặc; túi xách, giày dép; gỗ và sản phẩm gỗ. Hàng nhập khẩu chủ yếu là các mặt hàng nguyên liệu phục vụ sản xuất và gia công như: Nguyên phụ liệu may; bông, xơ, sợi, dệt; da và các mặt hàng liên quan.

Thị trường xuất, nhập khẩu cũng ngày càng được mở rộng. Ngoài thị trường truyền thống là Liên bang Nga và Đông Âu mới được khôi phục, Nam Định đã mở rộng được các thị trường mới như Tây Âu, Bắc Mỹ, Đông Nam Á.


Hoạt động ngoại thương xuất, nhập khẩu tuy có nhiều tiến bộ nhưng tốc độ còn chậm, quy mô còn nhỏ, giá trị xuất khẩu còn chiếm tỉ trọng thấp so với khu vực Đồng bằng sông Hồng và cả nước.

4. Ngành du lịch

Với vị trí địa lí giao thông thuận lợi và kết cấu hạ tầng tương đối tốt, tài nguyên du lịch phong phú (đặc biệt tài nguyên du lịch nhân văn), Nam Định là điểm đến hấp dẫn của du khách trong và ngoài nước.

Bảng 4.3. Số khách du lịch và doanh thu du lịch của tỉnh Nam Định giai đoạn 2010 – 2020.

Năm	2010	2015	2019	2020
Tổng số khách du lịch (nghìn lượt người)	462,0	835,0	1 084,8	914,5
Tổng doanh thu du lịch (tỉ đồng)	126,7	305,4	378,8	301,5



Dựa vào bảng 4.3, hãy:

1. Tính doanh thu du lịch bình quân của mỗi du khách qua các năm.
2. Nhận xét sự thay đổi về số khách và doanh thu du lịch của tỉnh Nam Định.

Hoạt động xúc tiến và quảng bá du lịch khá hiệu quả cùng với việc nâng cao chất lượng dịch vụ nên số lượng khách và doanh thu du lịch đều tăng khá.

Các điểm tham quan hấp dẫn khách du lịch gồm: khu di tích đền Trần với các lễ hội như lễ Khai Ấn vua Trần vào đêm 14/1 Âm lịch, lễ hội đền Trần vào tháng 8 Âm lịch, lễ hội Phủ Giầy (huyện Vụ Bản), Chợ Viềng, Vườn quốc gia Xuân Thủy, bãi tắm Thịnh Long (Hải Hậu), Quất Lâm (Giao Thủy),... Tỉnh Nam Định đang xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch khu chức năng phía nam đô thị Rạng Đông để trở thành điểm mới về du lịch, dịch vụ gắn với phát triển kinh tế và sinh thái biển.



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Chứng minh Nam Định có nhiều lợi thế để phát triển giao thông vận tải đường sông.
2. Phân tích những thuận lợi để phát triển du lịch ở Nam Định. Theo em, làm thế nào để quảng bá và phát triển du lịch tỉnh Nam Định?
3. Dựa vào bảng số liệu sau:

Số thuê bao điện thoại và thuê bao internet của tỉnh Nam Định giai đoạn 2011 – 2020.

(Đơn vị: nghìn thuê bao)

Năm	2011	2015	2020
Tổng số thuê bao điện thoại	274,1	179,6	1 694,9
– Trong đó: Điện thoại di động	64,9	116,8	1 678,1
Thuê bao internet	64,1	72,5	283,6

- a) Vẽ biểu đồ thích hợp so sánh số thuê bao điện thoại và thuê bao internet của tỉnh Nam Định giai đoạn 2011 – 2020.
- b) Nhận xét sự thay đổi số thuê bao điện thoại và thuê bao internet của tỉnh Nam Định và giải thích.

BÀI 5

THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO TÌM HIỂU VỀ MỘT NGÀNH KINH TẾ TIÊU BIỂU CỦA ĐỊA PHƯƠNG

I Gợi ý một số nội dung

Các hoạt động kinh tế của tỉnh Nam Định khá đa dạng. Mỗi khu vực trong tỉnh có những hoạt động kinh tế tiêu biểu. Học sinh có thể lựa chọn một ngành kinh tế được cho là tiêu biểu ở địa phương nơi mình sinh sống. Ví dụ:

- Ngành đánh bắt và nuôi trồng thủy sản ở các huyện ven biển như Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng.
- Phát triển các nghề thủ công nghiệp ở địa phương.
- Ngành thương mại, du lịch, ngành công nghiệp hoặc một ngành công nghiệp như công nghiệp dệt may,... của thành phố Nam Định.
- Ngành trồng lúa, chăn nuôi lợn, trồng cây cảnh,...

II Cách thức tiến hành

1. Chọn đề tài

2. Thu thập và xử lý tư liệu

- Phác thảo đề cương
- Thu thập tư liệu:
 - + Các tài liệu, số liệu, báo cáo,... về ngành kinh tế cần tìm hiểu ở địa phương.
 - + Mạng internet: Các website có độ tin cậy cao của các cơ quan tổ chức của tỉnh ví dụ: Cổng thông tin điện tử Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch <https://bvhttdl.gov.vn/>; Thư viện tỉnh Nam Định <https://thuviennamdinh.vn/>; Trang thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nam Định <https://sonnptnt.namdinh.gov.vn/>; Cục Thống kê tỉnh Nam Định <https://www.namdinh.gso.gov.vn/>;
- Khảo sát thực địa bằng các hình thức như: phỏng vấn, phát phiếu khảo sát,...
- Phân tích, tổng hợp, so sánh các kết quả đã tìm hiểu được.

3. Viết báo cáo

- Xây dựng đề cương chi tiết.
- Viết báo cáo theo đề cương: từ các tài liệu đã có, viết báo cáo theo gợi ý (nên viết ngắn gọn, súc tích).
 - + Nêu ý nghĩa của nội dung tìm hiểu
 - + Vai trò và điều kiện phát triển
 - + Thực trạng phát triển
 - + Một số giải pháp
- Trình bày báo cáo: Báo cáo cần có hình ảnh, lược đồ, sơ đồ, bảng số liệu, biểu đồ để minh họa.

CHỦ ĐỀ

MỘT SỐ TÁC GIẢ VĂN HỌC TRUNG ĐẠI NAM ĐỊNH (Phần 2)

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Biết được tiểu sử, sự nghiệp cơ bản của tác giả văn học trung đại Nam Định tiêu biểu.
- Biết và hiểu được tác phẩm của các tác giả.



BÀI 1

LƯƠNG THẾ VINH, PHẠM VĂN NGHỊ, TRẦN BÍCH SAN



Là biểu tượng cho truyền thống khoa bảng và tinh thần yêu nước của Nam Định trước thế kỉ XX, Lương Thế Vinh, Phạm Văn Nghị, Trần Bích San đã được vua Lê Thánh Tông, vua Tự Đức và nhiều học trò, danh sĩ viết thơ, câu đối ca ngợi.



Em hãy tìm và ghi lại những bài thơ, câu đối ca ngợi ba tác giả trên.

TỤNG GIÁ TÂY CHINH PHỤNG
HOẠ NGỰ CHẾ “TƯ GIA
TƯỚNG SĨ” (Theo vua đi đánh
miền Tây kính họa bài thơ
“tướng sĩ nhớ nhà” của vua)

Lương Thế Vinh



Lương Thế Vinh

1 Tác giả

Lương Thế Vinh (1441 - 1496) quê xã Cao Hương, huyện Thiên Bản (nay là thôn Cao Phương, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản). Ông đậu Trạng nguyên khoa thi Đình năm Quý Mùi (1463), làm quan tới chức Hàn lâm viện thị giảng. Khi vua Lê Thánh Tông lập Hội Tao Đàn, ông được cử làm Sái phu, giữ việc biên tập, sửa chữa thơ ca của hội viên trong hội. Ông cũng là tác giả của *Đại thành Toán pháp* và *Khải minh Toán học, Hý phường phá lục*. Thiên môn Khoa giáo.



Em hãy sử dụng Internet và tra cứu sách, báo để tìm hiểu về: Năm ra đời, số lượng thành viên, chủ soái, nội dung thi phú chủ yếu của Hội Tao Đàn?



Vì giỏi tính toán và đo lường nên Lương Thế Vinh được dân gian gọi là Trạng Lương. Ông cũng là người chế tạo ra bàn tính gậy – chiếc bàn tính đầu tiên của Việt Nam. Nhà bác học Lê Quý Đôn (thế kỉ XVIII) đã ca ngợi Lương Thế Vinh là con người có tài kinh bang tế thế, một con người "tài hoa danh vọng vượt bậc".

2 Văn bản

Phiên âm:

Công nghia tư tình dục lưỡng câu,
 Gia sơn hồi thủ bạch vân cô.
 Canh trừ ám số si như mộng,
 Lữ thứ không miên lãnh tự thu.
 Vạn lí mã tê sâu tự hữu,
 Nhất thiên nhận đoạn tín thư vô.
 Chỉ kì thương liễu huyền hồ chí,
 Khinh phát thanh phong thượng đế châu.

Dịch nghĩa:

Nghĩa nước tình nhà, muốn trọn cả đôi đường,
 Ngoảnh đầu nhìn lại non quê chỉ thấy mây trắng lẻ loi bay.
 Lặng đếm tiếng trống điểm canh, thờ thần như trong
 giấc mộng,

Ngủ sông nơi đất khách, lạnh lẽo tựa hơi thu.
 Muôn dặm xa khơi tiếng ngựa hí thêm gọi mối sầu,
 Một vùng bóng nhận vắng, bần bật tin quê.
 Quyết hẹn một ngày gân dây đạt được chỉ treo cung,
 Hai tay phe phẩy gió mát về chốn kinh kì.

Dịch thơ:

Nợ nước, tình nhà muốn vẹn đôi,
 Non quê mây trắng lững lờ trôi.
 Trống canh nghe điểm ngáy như mộng,
 Quán trọ nằm sông lạnh cả người.
 Muôn dặm ngựa kêu vò tắc dạ,
 Một trời nhận vắng bật tầm hơi.
 Cung tên quyết hẹn đền xong nợ,
 Gió mát về kinh bước thành thời.

(Nguyễn Ngọc San, Bùi Văn Nguyên,
 Hợp tuyển thơ văn Việt Nam, Tập II,
 NXB Văn học, 1976)



"Huyền hồ" trong câu thơ thứ 7 có nghĩa là treo cung. Theo Kinh Lễ: khi sinh con trai thì treo cái cung ở cửa để tượng trưng cho cái chí của người nam tử. Em hãy sử dụng Internet và tra cứu sách, báo để ghi lại những câu thơ nói về chí nam nhi trong dòng thơ thuật hoài, nói chí.



Tang hồ bổng thi là cây cung làm bằng cành dâu, mũi tên làm bằng cỏ bông. Theo quan niệm của người xưa, khi sinh được con trai, người ta lấy cung làm từ cành dâu có mũi tên làm từ cỏ bông, bắn ra sáu hướng đông, tây, nam, bắc, lên trời và xuống đất với mong ước sau này người con trai lớn lên có thể tung hoành khắp nơi trong thiên hạ, làm được việc lớn để giúp đời.

3 Câu hỏi đọc hiểu

1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Hãy chỉ ra những dấu hiệu của thể thơ đó trong bài thơ trên.
2. Ghi lại những từ ngữ, hình ảnh miêu tả cảnh sắc miền Tây. Trong không gian đó cuộc sống của tướng sĩ gặp những khó khăn như thế nào?
3. Qua hoàn cảnh đi đánh dẹp miền Tây và những từ ngữ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của tướng sĩ, em hiểu gì trách chí của tướng sĩ?
4. Em hãy tìm và nhận xét về vẻ đẹp chung của hình tượng người ra đi giữa hai câu thơ "Người ra đi đâu không ngoảnh lại/Sau lưng thêm nắng lá rơi đây" (*Đất nước* – Nguyễn Đình Thi) và câu thơ "Gia sơn hồi thủ bạch vân cô" (Ngoảnh đầu nhìn lại non quê chỉ thấy mây trắng lẻ loi bay.).



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Lựa chọn phương án trả lời đúng:

Câu 1: Hai câu thơ "Đi rồi, khuất ngựa sau non;/Nhỏ thưa tràng đặc, tiếng còn tịch liêu"... (*Đẹp xưa* – Huy Cận), gợi liên tưởng đến câu thơ nào trong bài thơ?

- A. *Canh trù ám số si như mộng* B. *Lữ thú không miên lãnh tự thu*
C. *Vạn lí mã tê sâu tự hữu* D. *Nhất thiên nhận đoạn tín thư vô*

Câu 2: Câu thơ "Canh trù ám số si như mộng", (Lặng đếm tiếng trống điểm canh, thờ thần như trong mộng,) gợi lên khoảng không gian, thời gian nào?

- A. Buổi sớm yên bình. B. Buổi trưa vắng vẻ.
C. Đêm tối cô tịch. D. Buổi chiều cô đơn.

Câu 3: Nghệ thuật nổi bật của thơ thất ngôn bát cú đường luật trong hai câu thơ "Vạn lí mã tê sâu tự hữu/ Nhất thiên nhận đoạn tín thư vô" là gì?

- A. so sánh B. phóng đại C. nhân hoá D. đối

2. Theo em, việc miêu tả tình cảm với quê nhà trong bài thơ có làm mất đi trách chí của tướng sĩ không? Từ đó, em hãy viết một đoạn văn khoảng 8 – 10 dòng bàn về vai trò của tình cảm đối với ý chí của con người.

CHU QUÁ HUNG YÊN NGÃU TÁC (Ngẫu tác khi đi thuyền qua Hung Yên)

Phạm Văn Nghị



Phạm Văn Nghị

1 Tác giả

Phạm Văn Nghị (1805 - 1881) hiệu là Nghĩa Trai, quê ở xã Tam Đăng, nay thuộc xã Yên Thắng, huyện Ý Yên. Ông đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ thân (Hoàng Giáp) khoa thi Mậu Tuất (1838). Khi thực dân Pháp xâm lược Đà Nẵng (1858), đang làm Đốc học Nam Định, Phạm Văn Nghị dâng vua *Trà Sơn kháng sớ* và tập hợp học trò, cùng các sĩ tử trong vùng được 365 người, hành quân vào Huế xin vua Tự Đức đi đánh giặc, được vua khen ngợi.

Năm 1861, Phạm Văn Nghị chuyển sang công việc phòng thủ địa phương. Với chức Hiệp lý quân vụ đồn Bình Hải, rồi Thương biện Hải phòng sứ, ông đã rong ruổi khắp miền duyên hải Nam Định (lúc đó gồm cả Thái Bình), có lần sang cả Hải Dương, Quảng Yên. Trong một lần công sự qua Hung Yên ông đã sáng tác bài thơ *Chu quá Hung Yên ngẫu tác*.

Thế kỉ XIX nước ta có ba người đạt danh hiệu Tam nguyên thi trường Tam Đăng của Phạm Văn Nghị có hai người. Em hãy sử dụng Internet và tra cứu sách, báo để tìm ra hai học trò này của Phạm Văn Nghị.

Ngoài trường Tam Đăng, khi đã 60 tuổi, lại rất bận với việc võ bị phòng giữ duyên hải, Phạm Văn Nghị vẫn tranh thủ mở trường dạy học ở Hoàn Nha (nay thuộc xã Giao Tiến, huyện Giao Thủy). Hoàn Nha là một loại trường khá đặc biệt trong lịch sử giáo dục nước ta, vừa dạy văn, vừa luyện võ.

2 Tri thức đọc - hiểu

Thể thơ tứ tuyệt

Tứ tuyệt là thể thơ có bốn câu, có quy định bằng trắc, niêm đối, cô đọng, hàm súc những trạng thái cảm xúc và ý tưởng độc đáo để tạo nên bốn câu thơ tuyệt hay. Trong các thể thơ Đường luật, thơ tứ tuyệt đảm bảo yêu cầu về chương pháp, kết cấu - yếu tố mà Lê Quý Đôn nhắc đến ở vị trí đầu tiên ba yêu cầu của việc "dụng công thơ" gồm: khởi kết (khởi đầu và kết thúc), cú pháp (phép đặt câu), tự nhãn (chữ tinh yếu trong thơ). Vì thế từ thời Nguyên bố cục bài thơ tứ tuyệt đã xác định bốn phần "khai - thừa - chuyển - hợp". Trong thơ tứ tuyệt, việc sử dụng đối liên không phải là quy định nghiêm ngặt và bắt buộc như trong thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

Hung Yên

Hung Yên là một tỉnh nằm ở trung tâm đồng bằng sông Hồng. Với vị trí nằm ngay bên bờ sông Hồng, cửa ngõ phía đông nam để thuyền bè ngược lên Thăng Long “Kẻ Chợ”, từ lâu phố Hiến Hưng Yên đã trở thành đô thị sầm uất, quy tụ người Tàu, người Nhật và người Tây phương đến đây buôn bán “Thứ nhất kinh kì, thứ nhì phố Hiến”. Nhận thấy Hưng Yên là một mảnh đất có vị trí quan trọng trong phòng thủ chống thực dân Pháp, cho nên trên cương vị Hiệp lý quân vụ đồn Bình Hải, Thương biện Hải phòng sứ, Phạm Văn Nghị đã nhiều lần qua Hưng Yên để xây dựng lực lượng phòng bị. Năm 1873, Pháp đem quân đánh chiếm Hà Nội, rồi đánh luôn Nam Định, Phạm Văn Nghị tổ chức lực lượng chặn đánh quân Pháp nhưng không thành, nghĩa quân rút về lập căn cứ ở Yên Hàn (huyện Ý Yên). Sau Hiệp ước Giáp Tuất năm 1874, ông lui về ở ẩn. Hưng Yên cũng bị Pháp đánh chiếm và nổ ra khởi nghĩa Bãi Sậy năm 1883.

3 Văn bản

Phiên âm:

Như thử giang sơn, thử sĩ dân,
Thái Bần quốc thế vạn niên xuân.
Tây Nhung hà sự xâm Chu cảnh?
Chỉ nhật thiên qua tảo tích trần.

Dịch nghĩa:

Giang sơn như thế, nhân dân như thế,
Thế nước như Thái Sơn, Bần Thạch muôn đời xuân.
Rợ Tây có sao xâm phạm cõi bờ nhà Chu?
Nhất định có ngày gươm trời quét đất bụi.

Dịch thơ:

Như thế non sông, đó sĩ dân,
Vững bền thế nước đến muôn xuân.
Giặc Tây sao dám phạm bờ cõi?
Chẳng mấy gươm thiêng quét bụi trần!

(Nguyễn Văn Huyền, Hoàng giáp Tam Đẳng
Phạm Văn Nghị – Thân thế và sự nghiệp,
Sở Văn hoá Thông tin Nam Hà, 1996)



"Chu cảnh" có nghĩa là bờ cõi của nhà Chu, một triều đại Trung Hoa cổ đại vững bền, thịnh trị, lí tưởng (Đường Nghiêu, Ngu Thuấn, Chu). Từ thông tin này, em hãy tìm đọc thơ Nôm Nguyễn Trãi và ghi lại những câu thơ có sử dụng điển tích về nhà Đường Nghiêu, Ngu Thuấn, Chu.



Ngay khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam, với tấm lòng yêu nước, tinh thần quyết chiến, Phạm Văn Nghị dâng *Trà Sơn kháng sớ* (1858), chiêu mộ và chỉ huy đoàn nghĩa dũng (1860), chống trả giặc Pháp tại Nam Định (1873), xây dựng căn cứ tại Ý Yên (1974). Chính tư tưởng và khí phách này đã góp phần tạo nên giọng điệu hào hùng, tuyên ngôn trong thơ của ông.

4 Câu hỏi đọc hiểu

1. Đọc lại nguyên âm, dịch nghĩa để bổ sung những từ ngữ, ý thơ mà dịch thơ chưa truyền tải hết.
2. Những từ "Thái Sơn", "Bàn Thạch" giúp em hiểu thêm gì về thế nước? Đặt trong mối quan hệ với câu thơ mở đầu em hãy tìm cội rễ tạo nên thế nước đó?
3. Cụm từ "quét đất bụi" đã thể hiện khát vọng nào của nhà thơ về tương lai đất nước? Theo em khát vọng đó có thành hiện thực không? Vì sao?
4. Đọc lại bài thơ *Nam quốc sơn hà* (tương truyền của Lý Thường Kiệt), từ đó so sánh sự giống và khác nhau trong tính chất tuyên ngôn với bài thơ *Chu quá Hưng Yên ngẫu tác*.



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Lựa chọn phương án trả lời đúng:

Câu 1: Câu nào dưới đây xác định đúng thể loại của bài thơ *Chu quá Hưng Yên ngẫu tác*?

- A. Đây là bài thơ Nôm Đường luật tứ tuyệt.
- B. Đây là bài thơ Đường luật tứ tuyệt viết bằng chữ Hán.
- C. Đây là bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật viết bằng chữ Hán.
- D. Đây là bài thơ Nôm thất ngôn bát cú Đường luật.

Câu 2: Từ nào trong câu thơ "Chỉ nhật thiên qua tảo tích trần" đã **không** được thể hiện thành công ở bản dịch thơ?

- A. chỉ nhật
- B. thiên qua
- C. tảo tích trần
- D. Cả A và C

Câu 3: Nghệ thuật nổi bật trong hai câu thơ "Tây Nhung hà sự xâm Chu cảnh?" (*Rợ Tây có sao xâm phạm cõi bờ nhà Chu?*) là

- A. so sánh
- B. câu hỏi tu từ
- C. nhân hoá
- D. đối

2. Nếu được chọn một yếu tố cốt lõi để tạo nên thế nước hùng mạnh, em sẽ chọn yếu tố nào? Hãy viết đoạn văn khoảng 8 - 10 dòng lí giải sự lựa chọn đó.

TAM QUÁ HẢI VÂN

(Ba lần qua Hải Vân)

Trần Bích San



Trần Bích San

1 Tác giả

Trần Bích San (1840 - 1877) tự Vọng Nghi, hiệu Mai Nham, quê ở làng Vị Hoàng (sau đổi là Vị Xuyên), huyện Mỹ Lộc, nay thuộc thành phố Nam Định. Bản tính thông minh, lại được sự dạy dỗ của các bậc thầy nổi tiếng là Phó bảng Trần Doãn Đạt, Tiến sĩ Vũ Công Độ, Hoàng giáp Phạm Văn Nghị, nên Trần Bích San sớm hiển đạt trên con đường khoa cử. Năm Giáp Tý (1864), ông đỗ Giải nguyên; năm Ất Sửu (1865), ông đỗ Hội nguyên, rồi Đình nguyên. Trần Bích San là Tam nguyên đầu tiên của vương triều Nguyễn, lại là Tam nguyên liên trúng.

*Nhất cử đặng khoa thiên hạ hữu,
Tam nguyên liên trúng quốc triều vô.
(Một lần đi thi đã đỗ, thiên hạ từng có,
Đỗ đầu liên tiếp ba khoa, trước nay triều ta chưa)*

(Vua Tự Đức -
Câu đối ban cho Trần Bích San)

Bài thơ *Tam quá Hải Vân* được ông ứng tác khi phó quan ở Quảng Nam, Bình Định, nhiều lần qua lại đèo Hải Vân - nơi được mệnh danh là "Đệ nhất hùng quan".

2 Tri thức đọc - hiểu

Hải Vân quan

Hải Vân quan nằm trên núi Hải Vân hay Hải Vân Sơn, là ngọn núi nhô ngang ra biển lớn nhất của dãy Trường Sơn phân cách hai tỉnh Thừa Thiên và Quảng Nam, mà đỉnh cao nhất là 1 450 m. Thế kỉ XVIII, Ngô Thì Chí đã viết: "Ngọn núi này khí át sông Ngân, thế nuốt bờ biển, tảng đá trập trùng khó vịn, cây cối sum suê rợp bóng, sóng vỗ ầm ầm như tiếng sấm vang trời, suối chảy rào rào như tuôn nước từ lưng chừng trời đổ xuống". Đầu thế kỉ XIX, triều Nguyễn đã chọn Huế làm kinh đô, thì Hải Vân quan trở thành cửa ngõ của kinh sư. Dưới thời Minh Mạng, đường qua đèo được xây cất, lát đá, đặc biệt một cụm công trình được xây dựng giữa đỉnh đèo cấu thành một



Vốn là học trò thành đạt của Phạm Văn Nghị nên khi mất Trần Bích San đã được thầy viết thơ viếng. Em hãy tìm đọc bài thơ viếng này của Phạm Văn Nghị để hiểu hơn về tài năng, sự nghiệp và tình cảm thầy trò của hai nhân vật này.



Năm 1877, vua Tự Đức cử Trần Bích San dẫn đầu phái đoàn sang Pháp để tiếp tục nghị hoà và thương lượng về vấn đề Nam Kỳ, để không mắc tội bất trung với vua và quyết không thể trở thành tội nhân bán nước với lịch sử và nhân dân, Trần Bích San đã quyết sinh giữ trọn khí tiết yêu nước.

pháo đài quân sự kiên cố. Trên vòm cổng thành trông về phía Thừa Thiên, có tấm biển đá khắc ba chữ "Hải Vân Quan". Cửa vòm trông về phía Quảng Nam có khắc 6 chữ "Thiên hạ đệ nhất hùng quan".

Thơ ca về Hải Vân quan

Với dấu ấn trên 700 năm (1306) kể từ khi Huyền Trân công chúa xuôi về phương Nam, Hải Vân quan không chỉ trở thành một danh thắng lịch sử văn hoá mà còn trở thành nguồn cảm hứng bất tận trong thơ ca. Mỗi lần qua Hải Vân là mỗi lần thi nhân lại cầm bút viết, lại suy nghĩ về Hải Vân quan như Lê Thánh Tông, Trịnh Kiểm, Nguyễn Hoàng, Lê Quý Đôn, Cao Bá Quát, Phan Bội Châu, Nguyễn Thông, Ông Ích Khiêm, Trần Cao Vân, Tản Đà,... Trong đó phải kể tới Lê Thánh Tông với bài thất ngôn *Hải Vân Hải môn lữ thứ* viết vào năm 1471, khi chinh phạt Chiêm Thành; Cao Bá Quát với *Đặng Hải Vân quan* viết khi vào Đà Nẵng chuẩn bị đi Tân Gia Ba; Trần Quý Cáp với *Vãn quá Hải Vân quan* viết khi đất nước đang lâm nguy, rơi vào tay giặc Pháp.

3 Văn bản

Phiên âm:

Tam niên tam thưởng Hải Vân đài,
Nhất điệu thân khinh độc vãng hồi.
Thảo thụ bán không đề nhật nguyệt,
Càn khôn chích nhĩn tiểu trần ai.
Vãn phi sơn thủy vô kì khí,
Nhân bất phong sương vị lão tài.
Hưu đạo Tân quan chinh lộ hiểm,
Mã đầu hoa tận đới yên khai.

Dịch nghĩa:

Ba năm, ba lần qua đèo Hải Vân,
Như con chim thân nhẹ, một mình qua lại.
Cỏ cây giữa tầng không, mặt trời mặt trăng đều thấp,
Cả trời đất thu vào con mắt, cõi trần coi như nhỏ bé.
Vãn không có hình tượng núi sông, thì không có khí lạ,
Người chưa trải qua sương gió, thì chưa thể tài cao.
Thôi đừng nói đường qua ải Tân là hiểm trở,
Nơi đầu ngựa, hoa đều đội mây mà nở cả.

Dịch thơ:

Ba năm, ba bận vượt Hải Vân,
Nhẹ cánh, đi về một chiếc thân.
Cây cỏ lưng trời, tinh tú thấp,
Càn khôn trong mắt, hẹp cõi trần.
Vãn không sơn thủy đâu khí lạ,
Người chẳng phong sương chẳng xuất thân.



Câu thơ "Nhân bất phong sương vị lão tài" (Người chưa trải qua sương gió, thì chưa thể tài cao) đề cao vai trò của trải nghiệm, thực tiễn. Em hãy sử dụng Internet và tra cứu sách, báo để ghi lại những câu tục ngữ, ca dao nói về chủ đề này.



Hơn 10 năm làm quan dưới triều Tự Đức, Trần Bích San giữ nhiều chức vụ, ở nhiều địa bàn khác nhau "Quái chỉ giang sơn vị hứa hoàn" (Kể cũng lạ, núi sông còn chưa để cho về) nhưng thi nhân vẫn dành tình yêu và nỗi nhớ cho sông Vị, cho thành Nam, cho cha mẹ "Quy tâm thái bán đảo Nam thành" (Tấm lòng quá nửa trở về với Thành Nam). Chính điều này đã góp phần tạo nên chất trữ tình, chất triết lí sâu sắc trong thơ ông.

Thôi bớt nói đường qua ải hiểm,
Đội mây hoa nở, ngựa đồn chân.

(Nguyễn Văn Huyền, Tam nguyên Trần Bích San
– Cuộc đời và tác phẩm,
Hội Văn học Nghệ thuật Nam Hà, 1994)

4 Câu hỏi đọc hiểu

1. Đọc lại nguyên âm, dịch nghĩa để bổ sung những từ ngữ, ý thơ mà dịch thơ chưa truyền tải hết.
2. Số từ trong câu thơ đầu, biện pháp so sánh ở câu thơ thứ hai đã giúp em hình dung gì về tư thế, tâm thế của thi nhân với đèo Hải Vân? Từ tương quan đó cảnh sắc Hải Vân đã hiện ra như thế nào?
3. Hai câu luận tác giả đã bàn luận về vấn đề nào của văn chương và cuộc sống? Từ đó em rút ra những bài học nào cho việc học tập và rèn luyện của bản thân?
4. Mượn chuyện ải Tần trong câu thơ thứ 7 nhà thơ muốn đối thoại với quan niệm sống nào trong xã hội? Từ đó em hãy tìm lối sống mà thi nhân gửi gắm qua hình ảnh hoa đội mây mà nở trong câu thơ cuối?



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Lựa chọn phương án trả lời đúng

Câu 1: Số lần nhà thơ qua Hải Vân quan là

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 2: Câu thơ "Túi thơ chứa hết mọi giang san" (*Tự thán 2* – Nguyễn Trãi) gợi liên tưởng đến câu thơ nào trong bài thơ?

- A. Thảo thụ bán không đề nhật nguyệt,
B. Càn khôn chích nhân tiểu trần ai.
C. Văn phi sơn thủy vô kì khí,
D. Nhân bất phong sương vị lão tài.

Câu 3: Cụm từ "mã đầu" (nơi đầu ngựa) trong câu thơ cuối muốn nói đến vị trí nào của Hải Vân quan?

- A. Nơi đỉnh đèo B. Nơi dốc đèo C. Nơi lưng đèo D. Nơi chân đèo

2. Thơ trung đại, tả thiên nhiên không chỉ ngụ tình mà còn để nói chí, tài đạo, răn mình. Em hãy viết một đoạn văn khoảng 8 – 10 dòng phân tích hai câu thơ cuối để làm rõ điều tác giả muốn khuyên răn.

CHỦ ĐỀ

MỘT SỐ TÁC GIẢ VĂN HỌC HIỆN ĐẠI NAM ĐỊNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Biết được tiểu sử, sự nghiệp cơ bản của tác giả văn học hiện đại Nam Định tiêu biểu.
- Biết và hiểu được tác phẩm của các tác giả.

“Trong các nhà thơ đồng quê, không ai có ngòi bút dồi dào mà rực rỡ như Đoàn Văn Cừ... nghĩ đến Đoàn Văn Cừ là tôi lại nghĩ đến Tết¹ (Hoài Thanh)



Tìm đọc tập *Thôn ca* của Đoàn Văn Cừ. Hãy ghi chép lại những câu thơ, bài thơ viết về Tết và chợ Tết.



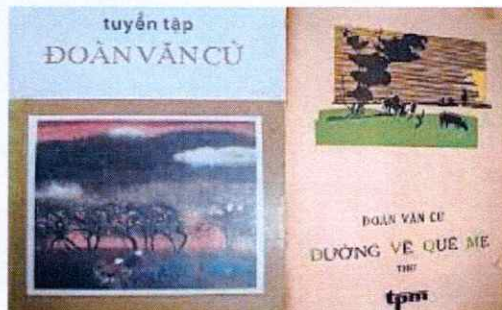
Đoàn Văn Cừ

I Tác giả

Đoàn Văn Cừ sinh ngày 25/11/1913 ở thôn Đô Đò, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, trong một gia đình nông dân. Trước Cách mạng tháng Tám, Đoàn Văn Cừ dạy học, từng tham gia phong trào công nhân ở nhà máy Sợi Nam Định. Sau Cách mạng tháng Tám, ông tham gia Hội đồng Nhân dân tỉnh Nam Định, làm cán bộ biên tập Nhà xuất bản Phổ thông (Bộ Văn hoá). Từ năm 1971, ông là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Văn nghệ Hà Nam Ninh, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Ông mất ngày 27/6/2004 tại quê nhà.

Đoàn Văn Cừ còn có các bút danh: Kê sĩ, Cư sĩ Nam Hà, Cư sĩ Sông Ngọc. Ngoài thơ, ông còn sáng tác văn xuôi. Năm 2001, ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật.

Tác phẩm chính: *Thôn ca I* (1944); *Thơ lửa* (1947); *Việt Nam huy hoàng* (1948); *Quân dân Nam Định anh dũng chiến đấu* (1953); *Trần Hưng Đạo, anh hùng dân tộc* (1958); *Thôn ca II* (1960); *Dọc đường xuân* (1979); *Đường về quê mẹ* (1987); *Tuyển tập Đoàn Văn Cừ* (1992).



Các tác phẩm chính của Đoàn Văn Cừ

¹ Hoài Thanh- Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, 1942.

II Tri thức đọc – hiểu

1. Thơ tám chữ – một thể loại tiêu biểu của phong trào Thơ mới

Thơ tám chữ có nguồn gốc từ hát nói. Thể thơ có tám chữ trên một dòng thơ. Thơ tám chữ không hạn định số câu thơ trong một bài, người ta có thể chia khổ hoặc không chia khổ. Thể thơ tám chữ không quá gò bó về niêm, luật mà chú trọng rất nhiều đến tính nhạc trong mỗi câu thơ. Tuy vậy, là một thể thơ cách luật, thơ tám chữ cũng có quy ước riêng:

Về thanh điệu, thường thì trong câu, để có âm điệu du dương, nếu chữ cuối đặt thanh trắc thì chữ thứ 3 trắc, chữ thứ 5 và 6 bằng; chữ cuối có thanh bằng thì chữ thứ 3 bằng, chữ thứ 5 và 6 trắc.

Về cách ngắt nhịp, câu thơ 8 chữ có thể được ngắt nhịp bất kì, thường ngắt nhịp 3/5, 3/3/2, 3/2/3, cũng có khi 4/4, 2/2/2/2, 5/3,...

Cách gieo vần cũng linh hoạt. Gieo *vần liên tiếp*: cứ hai vần bằng rồi đến hai vần trắc, hoặc hai vần trắc rồi đến hai vần bằng. Hoặc *vần chéo* (vần gián cách): một vần bằng rồi tới một vần trắc. Cũng có khi gieo *vần ôm*: Câu 1 vần với câu 4, câu 2 vần với câu 3.

Do vừa đảm bảo một số quy tắc cách luật về sự hoà hợp thanh âm, nhịp điệu vừa có tính chất phóng túng, tự do nên thơ tám chữ phù hợp với nhu cầu đổi mới hình thức câu thơ của các tác giả trong phong trào Thơ mới và trở thành một thể thơ phổ biến.

2. Dòng thơ về cảnh sắc thôn quê trong phong trào Thơ mới

Đề tài thiên nhiên, cảnh sắc là đề tài muôn thuở của thi ca. Trước khi có phong trào Thơ mới, thi ca Việt Nam đã có biết bao thi phẩm hay viết về làng cảnh quê hương. Song, về cơ bản, hầu hết những bức tranh quê trong thơ ca cổ điển đều mang tính ước lệ, tượng trưng. Phải đến Thơ mới, phong cảnh làng quê mới thực sự đậm đà phong vị quê hương.

Trong dòng thơ quê trước cách mạng tháng Tám nổi lên các gương mặt tiêu biểu: Đoàn Văn Cừ, Bằng Bá Lân, Anh Thơ, Nguyễn Bính,... “Ai cũng viết về quê với những nét thật triu mến. Đoàn Văn Cừ trội về tập tục quê, Bằng Bá Lân nổi về sinh hoạt quê, Anh Thơ vẫn được coi là mạnh về cảnh quê. Còn Nguyễn Bính, dường như thấm gồm tất cả vào mình thành một thứ là hồn quê.”¹

3. Đoàn Văn Cừ – người vẽ cảnh quê trong khung hình câu thơ mới

Nếu như Nguyễn Bính được coi là nhà thơ đầu tiên trong thi đàn thơ hiện đại dùng hình thức của thơ ca dân gian để chuyển tải nội dung thẩm mỹ của Thơ mới thì trái lại, “thơ Đoàn Văn Cừ rõ ràng là thơ cũ, thơ “ta” nhưng về hình thức nó lại hiếm khi lục bát mà thường bảy chữ hay tám chữ y như Thơ mới”². Trong khung hình câu thơ tám chữ, Đoàn Văn Cừ tự do vẽ *Tết, Chợ Tết, Làng, Chơi xuân, Đám cưới ngày xuân*,... Nhiều nhất trong những bức hoạ bằng thơ của Đoàn Văn Cừ là cảnh Tết và chợ Tết. Những phong tục quê, nếp quê, những sinh hoạt văn hoá làng quê qua chợ Tết cứ thế được bày ra. Thơ Đoàn Văn Cừ mang bóng quê, và chính thơ ấy cũng đẹp mộc mạc, bình dị như quê!

¹ Chu Văn Sơn – *Ba đỉnh cao Thơ mới*, NXB Hội Nhà văn, 2019.

² Hoài Thanh – Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, 1942.

III Đọc hiểu văn bản CHỢ TẾT¹

Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi,
Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà tranh,
Trên con đường viền trắng mép đồi xanh,
Người các ấp tung bùng ra chợ Tết.
Họ vui vẻ kéo hàng trên cỗ biếc;
Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon,
Vài cụ già chống gậy bước lom khom,
Cô yếm thắm che môi cười lặng lẽ.
Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ,
Hai người thôn gánh lợn chạy đi đầu,
Con bò vàng ngộ nghĩnh đuổi theo sau.
Sương trắng rõ đầu cành như giọt sữa,
Tia nắng tía nháy hoài trong ruộng lúa,
Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh,
Đôi thoa son nằm dưới ánh bình minh.

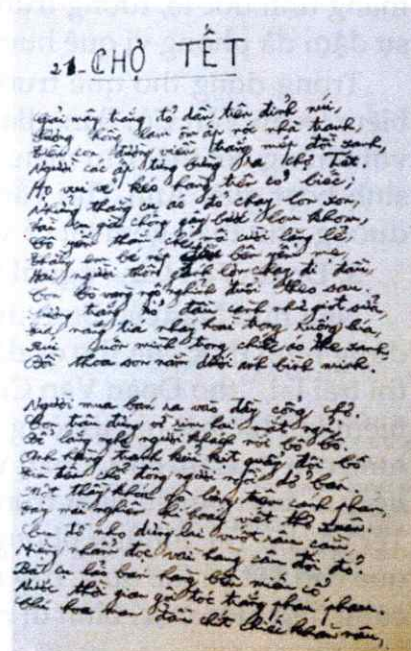
Người mua bán ra vào đây cổng chợ.
Con trâu đứng vờ rím hai mắt ngủ,
Để lắng nghe người khách nói bô bô.
Anh hàng tranh kiu kịt quấy đôi bồ,
Tìm đến chỗ đông người ngồi giờ bán.
Một thầy khoá gò lưng trên cánh phan,
Tay mài nghiên hí hoáy viết thơ xuân.
Cụ đồ nho dùng lại vuốt râu cằm,
Miệng nhẩm đọc vài hàng câu đối đỏ.
Bà cụ lão bán hàng bên miếu cổ,
Nước thời gian gội tóc trắng phau phau.
Chú hoa man đầu chít chiếc khăn nâu,
Ngồi xếp lại đồng vàng trên mặt chiếu.
Áo cụ lý bị người chen sẵn kéo,
Khăn trên đầu đang chít cũng bung ra.
Lũ trẻ con mãi ngắm bức tranh gà,
Quên cả chị bên đường đang đứng gọi.
Mấy cô gái ôm nhau cười rữ rươi,
Cạnh anh chàng bán pháo dưới cây đa.
Những mẹt cam đỏ chót tựa son pha.
Thúng gạo nếp đong đầy như núi tuyết,



Em đã bao giờ đi chợ Tết ở quê chưa? Cảm xúc của em lúc đó như thế nào?



Mỗi người đến chợ Tết với những dáng vẻ riêng như thế nào? Có điểm gì chung giữa họ?
Phát hiện biện pháp tu từ có trong câu thơ “Con bò vàng ngộ nghĩnh đuổi theo sau”.
Chú ý vị trí đặt dấu chấm, dấu phẩy trong đoạn thơ
Thử hình dung về dáng vẻ bà cụ xuất hiện trong bức họa
Gạch chân những sản vật đặc trưng được bày bán ở chợ Tết
Phiên chợ tết diễn ra trong khoảng thời gian nào?

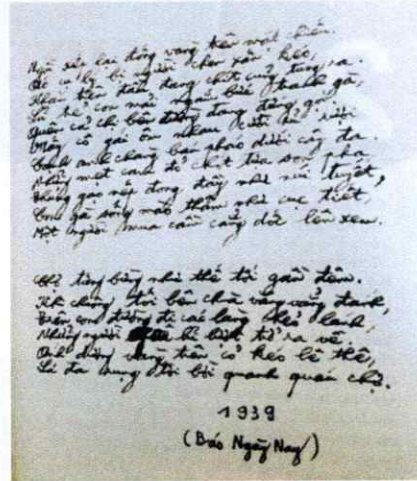


¹ Theo *Thơ mới 1932-1945, tác giả và tác phẩm*, Nxb Hội Nhà văn, 1999.

Con gà trống mào thâm như cục tiết,
 Một người mua cầm cẳng dốc lên xem.

Chợ tung bừng như thế đến gần đêm,
 Khi chuông tối bên chùa vắng vắng đánh,
 Trên con đường đi các làng hẻo lánh,
 Những người quê lũ lượt trở ra về.
 Ánh dương vàng trên cỏ kéo lê thê,
 Lá đa rụng toại bởi quanh quán chợ.

-1939-



Bản chép tay bài thơ "Chợ Tết"
 của Đoàn Văn Cừ trước khi ông qua đời

IV Câu hỏi đọc hiểu

- Bài thơ *Chợ Tết* có thể chia thành mấy phần? Nêu nội dung của từng phần.
- Phân tích nét đặc sắc của bức tranh thiên nhiên và con người được khắc hoạ trong khổ thơ đầu (chú ý các biện pháp tu từ, những từ ngữ chỉ màu sắc, sự phối màu,...).
- Dựa vào các dấu chấm câu trong khổ 2, thử đếm xem có bao nhiêu hình ảnh trong bức tranh của Đoàn Văn Cừ? Nêu cảm nhận của em về bức tranh đó.
- Thống kê số câu thơ tả cảnh và số câu thơ tả người trong khổ 1 và khổ 3 từ đó rút ra nhận xét về mối quan hệ giữa người và cảnh trong bài thơ.

LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

- Lựa chọn phương án trả lời đúng

Câu 1: Khổ thơ thứ nhất gieo vần gì?

A, Vần liền tiếp B. Vần chéo C. Vần ôm D. Vần lưng

Câu 2: Trong khổ thơ thứ nhất có bao nhiêu từ láy?

A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 3: Các biện pháp tu từ có trong hai câu thơ: *Con bò vàng ngộ nghĩnh dưới*
tho sau.

Sương trắng rõ đầu cành như giọt sữa.

A. Nhân hoá B. So sánh
 C. So sánh và nhân hoá D. Ẩn dụ và nhân hoá

- Viết một đoạn văn khoảng 8 – 10 câu trình bày cảm nghĩ của em về một hình ảnh mà em tâm đắc nhất trong bài thơ.

BÀI 2

NGUYỄN BÌNH



"Lời thơ Nguyễn Bình là lời Việt trong vẻ đẹp chân quê"
(Chu Văn Sơn)



Nguyễn Bình

I Tác giả

Nguyễn Bình tên thật là Nguyễn Trọng Bình, sinh ngày 13/02/1918 tại thôn Thiện Vịnh, xã Đồng Đội (nay là xã Cộng Hoà, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định). Ông mất ngày 20/01/1966 tại Nam Định.

Nguyễn Bình làm thơ từ lúc 13 tuổi. Năm 1937 ông được nhận giải thưởng thơ của nhóm Tự lực văn đoàn. Năm 1940 ông bắt đầu nổi tiếng với số lượng bài thơ khá lớn, đề tài phong phú, bút lực dồi dào. Ngoài thơ, Nguyễn Bình còn sáng tác kịch, tùy bút. Năm 2000, ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật.

Các tập thơ tiêu biểu: *Lỡ bước sang ngang* (1940), *Tâm hồn tôi* (1940), *Hương cố nhân* (1941), *Mười hai bến nước* (1942), *Gửi người vợ miền Nam* (1955), *Nước giếng khơi* (1957), *Đêm sao sáng* (1962),...



Các tập thơ tiêu biểu của Nguyễn Bình

II Tri thức đọc – hiểu

1. Thơ lục bát

Lục bát là thể thơ phổ biến trong kho tàng văn hoá dân gian Việt Nam. Thể thơ lục bát có quy tắc riêng về tổ chức thanh điệu, hiệp vần và ngắt nhịp. Quy tắc cơ bản của cặp câu lục bát là các tiếng thứ 2, 6, 8 mang thanh bằng (thanh huyền và thanh ngang), tiếng thứ 4 mang thanh trắc (sắc, hỏi, ngã, nặng), còn lại có thể tùy ý. Đuôi câu lục vần với tiếng thứ sáu của câu bát, đuôi câu bát vần với đuôi câu lục sau.

Về cách ngắt nhịp, thơ lục bát chủ yếu ngắt theo nhịp chẵn 2/4 (2/2/2, 4/2); 4/4 (2/2/4, 2/2/2/2, 4/2/2). Việc ngắt dòng thơ theo nhịp chẵn tạo cho câu thơ lục bát nét mềm mại, uyển chuyển, cân xứng. Tuy nhiên, khi cần diễn đạt điều trắc trở, khúc mắc, mạnh mẽ, đột ngột hay tâm trạng khác thường, bất định,... thì có thể chuyển sang nhịp thơ lẻ 3/3, 1/5, 3/5,...

2. Thơ lục bát của Nguyễn Bính

Thơ Nguyễn Bính lấy gốc từ truyền thống thơ ca dân gian mà thể lục bát là đặc trưng tiêu biểu. Trong sáng tác của ông trước cách mạng tháng Tám, thể thơ này chiếm tới 45%¹. Thơ lục bát của Nguyễn Bính ưa dùng cách ngắt nhịp truyền thống tạo nên giọng điệu thơ mềm mại, đậm chất dân gian: “Thôn Đoài/ ngôi nhớ/ thôn Đông// Một người/ chín nhớ/ mười mong/ một người” hay: “Em nghe/ họ nói/ mong manh// Hình như/ họ biết/ chúng mình/ với nhau”. Nhưng cũng có khi, lục bát của Nguyễn Bính phá vỡ tính cân xứng hài hoà của lục bát cổ để phù hợp với việc thể hiện cái tôi đầy những cô đơn, lơ dờ: “Cái gì như thể nhớ mong// Nhớ nàng/ không/ quyết là không/ nhớ nàng”; “Anh đi đấy/ anh về đâu?// Cánh buồm nâu/ cánh buồm nâu/ cánh buồm”,... Về điểm này, Nguyễn Bính được coi là nhà thơ đầu tiên trong thi đàn thơ hiện đại dùng hình thức của thơ ca dân gian để chuyển tải nội dung thẩm mỹ của Thơ mới.

III Đọc hiểu văn bản

ANH VỀ QUÊ CŨ²

(Tặng Bùi Hạnh Cẩn)

Anh về quê cũ: thôn Vân,
Sau khi đã biết phong trần³ ra sao.
Từ nay lại tắm ao đào,
Rượu dâu nhà cất, thuốc Lào nhà phơi.



- Tra cứu tư liệu trên Internet để biết Bùi Hạnh Cẩn là ai?
- Em biết gì về địa danh thôn Vân mà nhà thơ Nguyễn Bính nói đến trong bài thơ?

¹ Đoàn Đức Phương, dẫn theo Nguyễn Bính – tác gia và tác phẩm, Nxb Giáo dục, 2001, tr335.

² Theo Nguyễn Bính toàn tập, tập 1, Nxb Văn học, 2008, tr 326-327.

³ Phong trần: Gió và bụi; thường dùng để ví sự gian nan, vất vả trải qua trong cuộc sống.

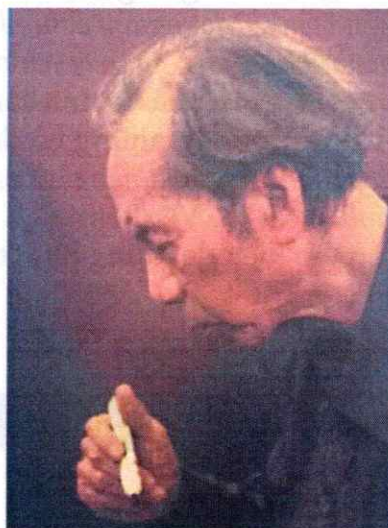
Giang hồ¹ sót lại mình tôi,
Quê người đấng khói, quê người cay men.
Nam Kỳ rồi lại Cao Miên²,
Tắm trong một cái biển tiền người ta...
Biển tiền, ôi biển bao la,
Mình không bắt được vẫn là tay không...
Thôn Vân có biếc, có hồng,
Hồng trong nắng sớm, biếc trong vườn chiều.
Đê cao có đất thả diều,
Trời cao lấm lấm có nhiều chim bay.
Quả lành nặng trĩu từng cây,
Sen đầy ao cá, cá đầy ao sen.
Hiu hiu gió quạt, trăng đèn,
Với dăm trẻ nhỏ thả thuyền ta chơi.
Ăn gỏi cá, đánh cờ người,
Thần tiên riêng một góc trời thôn Vân.

Ơi thôn Vân, hỡi thôn Vân!
Phương nào kết dải mây Tần³ cho ta?
Từ nay, khi nhớ quê nhà
Thấy mây Tần biết đó là thôn Vân.

Ơi thôn Vân, hỡi thôn Vân!
Anh em ly tán, lâu dần thành ra,
Không còn ai ở lại nhà,
Hỏi còn ai nữa? Để hoa đầy vườn.
Trăng đầy ngõ, gió đầy thôn,
Anh về quê cũ có buồn không anh?



Hình dung cuộc sống nơi đất khách của nhân vật trữ tình. Gạch chân các từ ngữ hình ảnh thể hiện sự giàu có, đủ đầy của thôn Vân. Chú ý sự thay đổi nhịp thơ. Chú ý câu hỏi tu từ, phép lặp, phép liệt kê và cảm xúc của nhân vật trữ tình.



Nhà văn, nhà thơ Bùi Hạnh Cẩn – người được Nguyễn Bính tặng bài thơ "Anh về quê cũ"

- ¹ *Giang hồ*: Sông và hồ; dùng để chỉ cảnh sống nay đây mai đó một cách tự do, phóng túng.
- ² *Cao Miên*: là danh từ dùng để chỉ Đế quốc Khmer nói riêng, hoặc nước Campuchia hay người Campuchia nói chung
- ³ *Mây Tần*: mây trên đỉnh núi Tần Lĩnh, thường dùng để nói tới lòng nhớ quê nhà (thơ Hàn Dũ, đời nhà Đường: "Vân hoành Tần Lĩnh gia hà tại" (Mây che ngang núi Tần Lĩnh, quê nhà ở nơi nào?).

IV Câu hỏi đọc hiểu

1. Căn cứ vào diễn biến cảm xúc của nhân vật trữ tình, hãy chia đoạn cho bài thơ và nêu nội dung từng đoạn.
2. Cảnh “thôn tiên” của thôn Vân được tác giả miêu tả như thế nào? Chỉ ra và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ có trong đoạn thơ: “Thôn Vân có biếc có hồng.../,...Thôn tiên riêng một góc trời thôn Vân?”
3. Cảm xúc của nhân vật trữ tình có sự khác nhau như thế nào khi ở “quê người” và khi về “quê cũ” thôn Vân?
4. Chỉ ra sự vận động của mạch cảm xúc trong bài thơ từ đó xác định chủ đề chính của tác phẩm.



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Lựa chọn phương án trả lời đúng

Câu 1: Thôn Vân mà tác giả nói đến trong bài thơ thuộc huyện nào của tỉnh Nam Định ngày nay?

- A. Mỹ Lộc B. Xuân Trường C. Vụ Bản D. Nam Trực

Câu 2: Từ “thôn Vân” được lặp lại mấy lần trong bài thơ?

- A. 6 lần b. 7 lần D. 8 lần D. 9 lần

Câu 3: Xác định các biện pháp tu từ cú pháp có trong đoạn thơ: “Thôn Vân có,.....góc trời thôn Vân”

- A. Điệp ngữ B. Liệt kê C. Đảo ngữ D. Tất cả đáp án

Câu 4: Từ nào sau đây diễn tả đúng nhất đặc trưng thơ Nguyễn Bính trong dòng thơ về làng quê?

- A. Tục quê B. Cảnh quê C. Hồn quê D. Sinh hoạt quê

2. Hãy viết một đoạn văn khoảng 8 – 10 câu nêu cảm nhận của em về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong khổ cuối bài thơ.



Cố Tổng Bí thư Trường Chinh, người học trò xuất sắc của trường Thành Chung (tiền thân của trường THPT chuyên Lê Hồng Phong, Nam Định) không chỉ là một lãnh tụ kiệt xuất của Đảng ta, mà còn là một nhà lí luận sắc bén, một nhà văn hoá lớn, một nhà báo bậc thầy và một nhà thơ cách mạng.

Hãy chia sẻ những điều em đã biết về nhà thơ Sóng Hồng?



Trường Chinh
(1907 – 1988)

I Tác giả

Nhà thơ Sóng Hồng (bút danh của đồng chí Trường Chinh) tên thật là Đặng Xuân Khu sinh ngày 09/02/1907 tại làng Hành Thiện, xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, mất ngày 30/9/1988 tại Hà Nội.

Với bút danh Sóng Hồng, ông đã cho đăng hơn 200 bài thơ trên các báo, tạp chí, sau này được tập hợp thành các tập: *Thơ - tập 1* (1966), *Thơ - tập 2* (1974), *Thơ Sóng Hồng* (1983).



Đồng chí Trường Chinh là người khởi thảo *Đề cương văn hoá Việt Nam* (1943). Trong lĩnh vực văn hoá, văn nghệ, ông có nhiều bài phát biểu quan trọng về đường lối văn nghệ của Đảng.

II Tri thức đọc – hiểu

1. Văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1954 gắn liền với hai sự kiện có ảnh hưởng căn bản và sâu rộng đến mọi mặt của đời sống chính trị, xã hội Việt Nam: Cách mạng tháng Tám và cuộc kháng chiến chống Pháp kéo dài suốt chín năm. Thực tiễn cách mạng đã thay đổi cách nhìn, cách nghĩ và củng cố lập trường tư tưởng của các nhà văn, nhà thơ, giúp họ ngày càng gần gũi, gắn bó với nhân dân. Tiếp nối dòng văn chương yêu nước cách mạng giai đoạn 1930 – 1945, một khuynh hướng chủ đạo của văn học giai đoạn này là khuynh hướng thơ trữ tình chính trị ra đời với các đại diện tiêu biểu: Tố Hữu, Hồ Chí Minh, Xuân Thủy,... Các thi sĩ đã đưa không khí thời đại mới mẻ, khoẻ khoắn vào thơ, đồng thời xây dựng hình tượng nhân vật trữ tình mang dáng vẻ của những người cán bộ cách mạng, người chiến sĩ suy nghĩ và hành động chủ yếu hướng về số phận tổ quốc.

2. Với cương vị một nhà lãnh đạo, Sóng Hồng làm thơ “cốt để phục vụ tuyên truyền cách mạng hoặc ghi lại một số tình cảm sâu sắc của đời mình”. Ông quan niệm: “Thơ tức là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp. Thơ không chỉ nói lên tình cảm riêng của nhà thơ, mà nhiều khi thông qua tình cảm đó nói lên niềm hi vọng của cả một dân tộc, những ước mơ của nhân dân...” .

Quán triệt quan điểm ấy, thơ Sóng Hồng luôn có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí tưởng cách mạng và tâm hồn của người nghệ sĩ. Thơ ông vừa gắn liền với thực tiễn cuộc sống, là vũ khí sắc bén để phục vụ sự nghiệp cách mạng của Đảng; đồng thời cũng thật giàu xúc cảm và tinh thần lạc quan tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc.

III Văn bản *Đi học*

Vút ngựa vượt qua đèo,
Rì rầm tiếng suối reo.
Xuống đèo trời mới tối,
Vàng vặc mảnh trăng treo.

Ngựa mỗi đi bước một
Người suy nghĩ vấn vương.
Nhiều khi ý kiến lớn
Vụt đến lúc đi đường.

Đêm lạnh, cành sương đượm,
Long lanh bóng nguyệt vờn.
Nhà ai bếp vẫn đỏ,
Thấp thoáng ở sườn non?

Đường xa, cơn gió rít
Xao xác chim cầm canh.



Không gian, thời gian xuất hiện hiện của nhân vật trữ tình có gì đặc biệt?

Phát hiện sự thay đổi nhịp điệu của câu thơ thứ 2. Thử đoán xem dụng ý của tác giả là gì?



Phát hiện các biện pháp thuật có trong khổ thơ.

Chú ý hình ảnh “băm băm ngựa bước nhanh”.

Chú ý năm sáng tác của bài thơ. Liên hệ với phần tri thức đọc hiểu.

Hội nghị mai hạp sớm,

Bấm bấm ngựa bước nhanh.

(Việt Bắc – mùa đông 1953)

IV Câu hỏi đọc hiểu

1. Em có nhận xét gì về thể thơ và nhịp điệu của bài thơ? Nhịp điệu đó gợi cho em liên tưởng đến điều gì?
2. Hình ảnh nhân vật trữ tình phi ngựa vượt qua đèo giữa trời tối bỗng đột ngột phát hiện ra “Vằng vặc mảnh trăng treo” gợi cho em cảm nhận gì về vẻ đẹp tâm hồn người cán bộ cách mạng.
3. Chỉ ra và phân tích giá trị biểu cảm của các từ láy có trong bài thơ.
4. Diễn biến tâm trạng của nhân vật trữ tình có sự thay đổi như thế nào qua các khổ thơ (gợi ý: so sánh sự thay đổi trong miêu tả bước đi của ngựa ở khổ 2 so với khổ 4. Theo em, tại sao có sự thay đổi đó? Ý nghĩa của hình ảnh bếp lửa đỏ xuất hiện giữa đêm giá lạnh?).



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Lựa chọn phương án trả lời đúng

Câu 1: Nêu thời điểm sáng tác của bài thơ “Đi hạp”.

- A. Trước cách mạng tháng Tám B. Giai đoạn kháng chiến chống Pháp
C. Giai đoạn kháng chiến chống Mĩ D. Giai đoạn tiền khởi nghĩa

Câu 2: Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

- A. Người thi sĩ lãng mạn B. Anh bộ đội cụ Hồ
C. Người cán bộ cách mạng D. Anh giải phóng quân

Câu 3: Trong bài thơ có bao nhiêu từ láy?

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

Câu 4: Phương án nào nêu đúng về ý nghĩa của hình ảnh bếp lửa đỏ xuất hiện trong khổ 3 của bài thơ?

- A. Thể hiện niềm mơ ước được trở về ngôi nhà ấm cúng, được sưởi ấm bên bếp lửa hồng.
B. Thể hiện ý muốn được nghỉ ngơi vì trời đã tối, ngựa đã mỏi chân.
C. Thể hiện tinh thần lạc quan tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc.
D. Thể hiện cảnh đẹp thơ mộng, lãng mạn, tràn đầy sức sống.

2. Viết một bài văn ngắn (khoảng 8-10 câu) nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình.

CHỦ ĐỀ

KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Hiểu về vai trò của khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.
- Xác định được các bước trong khởi nghiệp.
- Hiểu về các yếu tố tác động đến quá trình khởi nghiệp.



Làng nghề ươm tơ dệt lụa Cổ Chất, Nam Định



Nếu là chủ một doanh nghiệp, em mơ ước doanh nghiệp của mình sẽ như thế nào?



Hình 1.1. Các đồng chí lãnh đạo tỉnh Nam Định tham quan gian hàng trưng bày sản phẩm của đoàn viên, thanh niên trong tỉnh.

I Khái niệm về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo

Đổi mới sáng tạo là việc tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kĩ thuật, công nghệ, giải pháp quản lí để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm hàng hoá.

Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là quá trình khởi nghiệp dựa trên ý tưởng sáng tạo, tạo ra sản phẩm mới; hoặc sản phẩm cũ nhưng có điểm khác nổi trội, ưu việt hơn so với những sản phẩm, dịch vụ đã từng có trên thị trường và được phát triển nhanh chóng vượt bậc.

Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tạo ra những sản phẩm mới, phân khúc khách hàng mới,... thông qua những công nghệ mới cùng các ý tưởng kinh doanh mới chưa từng có.



Theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017 thì Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.



Thông qua các phương tiện truyền thông và internet, em hãy kể tên một số công ty khởi nghiệp nổi tiếng ở Việt Nam.

II Vai trò của khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trên quê hương Nam Định

- Hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo được xác định là một trong những yếu tố then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định. Trong những năm qua, tỉnh Nam Định đã có nhiều chủ trương, chính sách, hoạt động nhằm thúc đẩy phong trào khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

- Khởi nghiệp giữ vai trò rất lớn trong việc hình thành số lượng các doanh nghiệp ở Nam Định, tạo ra nhiều giá trị về kinh tế - xã hội, nhiều cơ hội việc làm cho người lao động, nhiều sản phẩm có giá trị cho cộng đồng, xã hội và khách hàng.

- Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo sẽ giúp tăng tốc độ áp dụng công nghệ mới, khoa học kỹ thuật vào sản xuất trong các doanh nghiệp ở Nam Định, giúp giảm chi phí sản xuất, tạo ra những sản phẩm mới, thông qua đó giúp các doanh nghiệp Nam Định tăng sự cạnh tranh.

- Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo góp phần phát huy tốt vốn tri thức và năng lực trí tuệ của người dân Nam Định.



Ngày 23/8/2022, UBND tỉnh Nam Định đã ban hành Kế hoạch số 111/KH-UBND triển khai thực hiện Chương trình "Hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp" giai đoạn 2022 - 2030.

Kế hoạch triển khai với 05 nội dung chủ yếu sau: Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung của Chương trình; Ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình; Tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu của Chương trình; Tổ chức triển khai các nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình; Theo dõi, kiểm tra, báo cáo đánh giá việc thực hiện Chương trình.

III Các bước trong quá trình khởi nghiệp

Bước 1:

Xác định điểm mạnh, điểm yếu của bản thân

Người khởi nghiệp sẽ xem xét về trình độ, kinh nghiệm chuyên môn, khả năng tài chính,... của bản thân, đây sẽ được xem là những nguồn lực tạo nên điểm mạnh. Bên cạnh đó, kinh nghiệm về kinh doanh, khởi nghiệp sẽ là những điểm yếu phổ biến của những người mới khởi nghiệp.

Bước 2:

Tim kiếm ý tưởng khởi nghiệp

Ở bước này, người khởi nghiệp sẽ tìm kiếm các ý tưởng phù hợp với điều kiện, năng lực của bản thân để đảm bảo tính khả thi khi thực hiện. Một trong các lí do thất bại phổ biến khi khởi nghiệp là lựa chọn ý tưởng thiếu tính thực tế, vượt khả năng thực hiện.

Bước 3:
Xây dựng kế hoạch

Xây dựng kế hoạch ở đây thường trải qua các giai đoạn: xây dựng kế hoạch sơ bộ, điều chỉnh kế hoạch và xây dựng kế hoạch chi tiết.

Bước 4:
Chuẩn bị nguồn lực để thực hiện

Đây là bước chuẩn bị các nguồn lực để triển khai kế hoạch như: chuẩn bị về kiến thức, tài chính, nhân sự, pháp lí, văn phòng, địa điểm, công cụ, thiết bị,...

Bước 5:
Triển khai kế hoạch

Tùy vào tính chất, mức độ của từng kế hoạch mà giai đoạn triển khai có thể bắt đầu bằng giai đoạn chạy thử nghiệm, điều chỉnh và chạy chính thức.



Theo Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 quy định chi tiết một số điều của “Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa”, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo sẽ được hỗ trợ 100%:

- Giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục: Xác lập, chuyển giao, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; Hợp đồng tư vấn về xây dựng và thực hiện chính sách, chiến lược hoạt động sở hữu trí tuệ; Hợp đồng tư vấn về xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lí; Hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở; Hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tự tổ chức đo lường.
- Chi phí gian hàng tại Hội trợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế.



Trong các bước khởi nghiệp nêu trên, theo em bước nào là quan trọng nhất?



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Các mô hình, ý tưởng khởi nghiệp thành công sẽ có ý nghĩa gì đối với bản thân người khởi nghiệp và địa phương?
2. Tìm hiểu về một số mô hình, hoạt động kinh doanh của địa phương. Nếu khởi nghiệp bằng mô hình kinh doanh đó, em hãy nêu ý tưởng để cải tiến sản phẩm/ dịch vụ đó.

BÀI 2

MỘT SỐ MÔ HÌNH KHỞI NGHIỆP Ở NAM ĐỊNH



Em hãy chia sẻ về hoạt động hỗ trợ, giáo dục, tuyên truyền về khởi nghiệp ở địa phương mà em biết.



Hình 2.1. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nam Định, Tỉnh Đoàn Nam Định và các trường đại học trên địa bàn tỉnh tham gia kí kết Biên bản ghi nhớ về hợp tác xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

I Một số mô hình và ý tưởng khởi nghiệp ở Nam Định

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi.

Thông tin 1

Nhận thấy việc chôn lấp để xử lí rác thải sinh hoạt thường tốn rất nhiều diện tích, gây ô nhiễm môi trường, anh Trần Xuân Trường, xã Thọ Nghiệp (Xuân Trường) đã nảy sinh ý tưởng chế tạo một hệ thống xử lí rác thải đơn giản, hiệu quả, phù hợp với điều kiện địa phương. Đi tham khảo nhiều hệ thống xử lí rác thải ở nhiều cơ sở, nghe tư vấn từ nhiều đơn vị chuyên môn, đặc biệt là quyết tâm “thôi thúc” xử lí rác thải một cách triệt để. Hệ thống phân loại rác thải cân bằng sinh thái gồm đầy đủ các bộ phận như: thiết bị phân loại rác hữu cơ, rác vô cơ, nilon; thiết bị làm sạch và sấy khô rác nilon; lò đốt; khu xử lí rác hữu cơ... Cơ chế vận hành của lò là: rác thải sinh hoạt từ các hộ gia đình được thu gom tập kết về xưởng sản xuất đã được máy phân loại thành các phần riêng biệt. Rác thải hữu cơ được kết hợp chế phẩm sinh học tái chế thành phân hữu cơ; rác thải nhựa cứng được phân loại riêng; rác thải nilon mỏng được làm sạch, sấy khô để bán cho đơn vị tái chế nilon. Chỉ sành sứ, gạch đá, vải còn lại với khối lượng rất ít là được đốt hoặc chôn lấp. Mặc dù công suất còn nhỏ so với các xí nghiệp xử lí rác thải chuyên nghiệp song hệ thống phân loại và xử lí rác thải đang áp dụng rất hiệu quả tại địa phương, dễ vận hành, khai thác được nguồn tài nguyên, khắc phục được nhược điểm của máy xử lí rác thải nhập khẩu là giá cao, phải sử dụng công nhân có tay nghề cao để vận hành... Hiện công ty đầu tư công nghệ lò đốt và dây chuyền xử lí rác thải hiện đại, tổ chức thu gom, xử lí rác cho 100% các xóm trong xã; tạo việc làm cho 15 công nhân làm việc trực tiếp tại khu xử lí rác thải với thu nhập từ 4 – 5 triệu đồng/người/tháng; hàng năm ước đạt doanh thu 3 tỉ đồng, lợi nhuận 700 triệu đồng.

Thông tin 2

Trong một lần đi trên đường, nhặt được khung lồng hoa bỏ đi, nhìn sản phẩm khá đơn giản, anh Trần Văn Đức, xã Trực Tuấn (Trực Ninh) tự hỏi “Quê mình nhân công nhiều sao mà phải nhập hàng ở nơi khác về? Sao mình không thử tự làm?”. Nghĩ là làm. Anh Đức đã đầu tư xây dựng hệ thống nhà xưởng cùng nhiều thiết bị phục vụ sản xuất như máy hàn, máy mộc pha chế gỗ, sắt làm khung và nhập nguyên liệu gỗ, tre nứa, mây, cói,... để sản xuất lồng hoa, giỏ hoa mây tre đan. Qua thời gian vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, vừa học hỏi trên thị trường, từ chỗ chỉ sản xuất nhỏ hẹp trong phạm vi gia đình, anh Đức đã dần mở rộng 2 xưởng sản xuất giỏ hoa với diện tích 1 500 m², tạo việc làm cho 30 lao động thường xuyên và 100 lao động thời vụ. Năm 2021, doanh thu cơ sở sản xuất giỏ hoa Đức Thiện của anh đạt gần 4 tỉ đồng, lợi nhuận đạt 760 – 800 triệu đồng.

(Nguồn: <https://namdinh.gov.vn>)



- Những ý tưởng khởi nghiệp nêu trên được hình thành như thế nào?
- Giá trị mà sản phẩm/dịch vụ đem đến cho khách hàng là gì?

II Dự án

XÂY DỰNG Ý TƯỞNG KHỞI NGHIỆP KINH DOANH

Em hãy xây dựng ý tưởng và lập kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh theo khung gợi ý sau:

01

Ý tưởng khởi nghiệp kinh doanh

Sản phẩm, dịch vụ hướng tới khởi nghiệp kinh doanh là gì?

02

Phân khúc khách hàng

Khách hàng, hay nhóm khách hàng mà sản phẩm/dịch vụ hướng tới là gì?
(Sản phẩm/dịch vụ bán cho ai)

03

Giải pháp giá trị

Giá trị mà sản phẩm/dịch vụ đem đến cho khách hàng là gì? (Cái tạo ra sự khác biệt khiến cho khách hàng sử dụng sản phẩm/dịch vụ của mình)

04

Kênh truyền thông

Các kênh truyền thông, phân phối để tiếp xúc với khách hàng là gì? (Làm thế nào để khách hàng biết tới sản phẩm/dịch vụ của mình?)

05

Quan hệ khách hàng

Cách thức để giữ chân và thu hút khách hàng là gì?

06

Dòng doanh thu

Lợi nhuận thu được từ phân khúc khách hàng được thể hiện như thế nào?

07

Nguồn lực chính

Nguồn lực quan trọng nhất để doanh nghiệp tồn tại và phát triển là gì? (Tài nguyên, tài chính, nhân lực, nguồn tri thức, nền tảng công nghệ...)

08

Hoạt động chính

Các hành động để triển khai và duy trì hoạt động kinh doanh là gì?

09

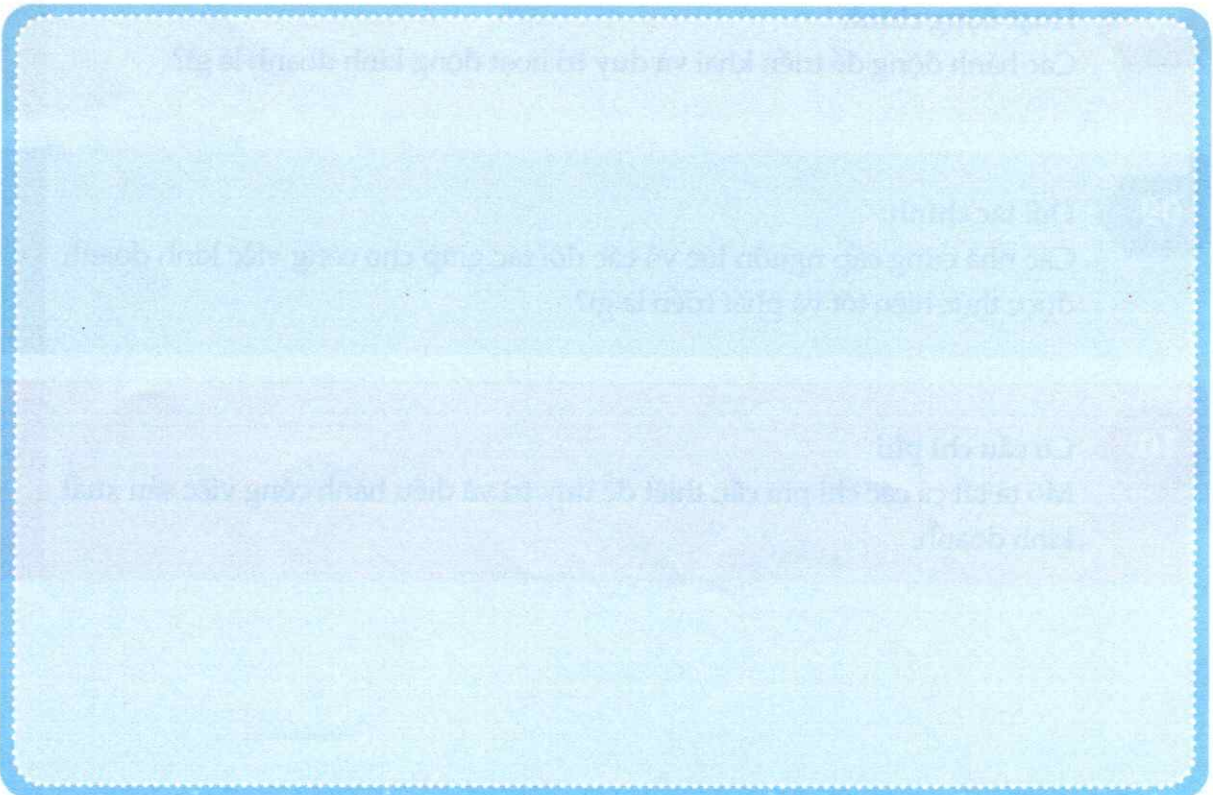
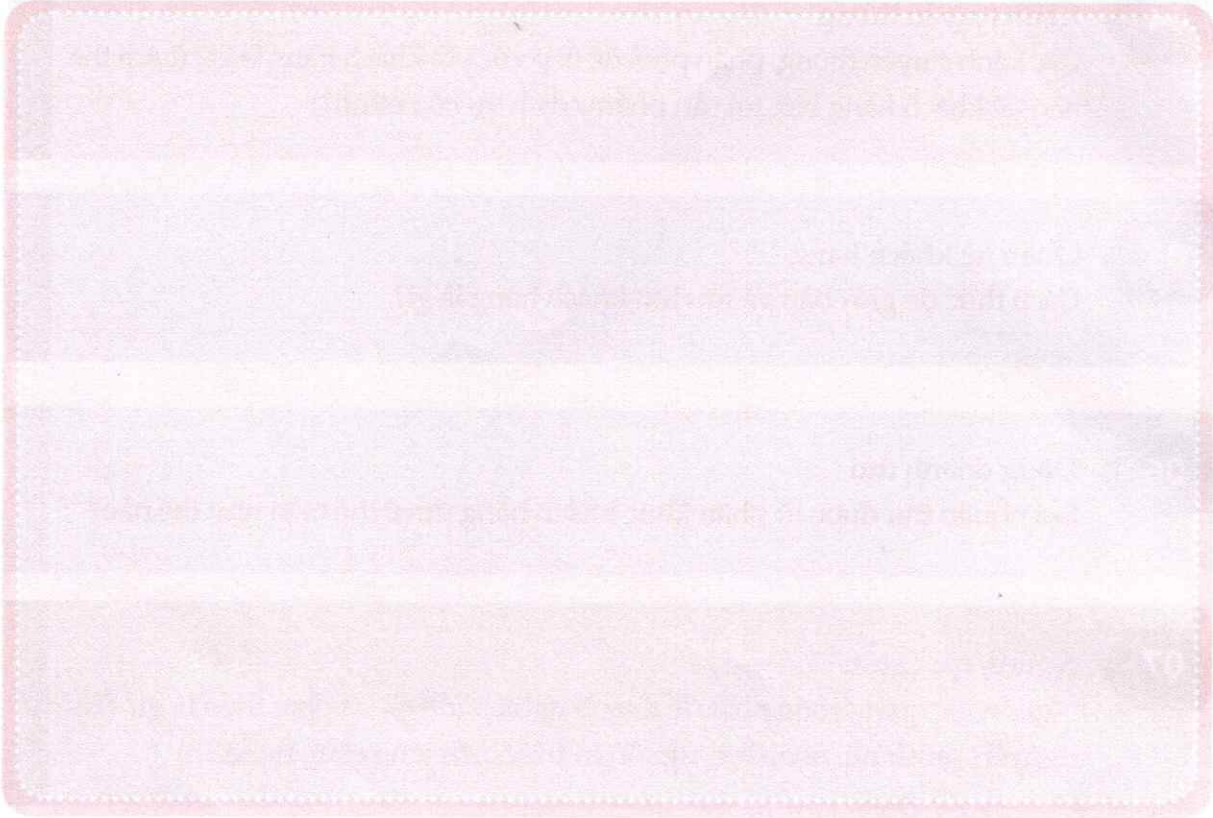
Đối tác chính

Các nhà cung cấp nguồn lực và các đối tác giúp cho công việc kinh doanh được thực hiện tốt và phát triển là gì?

10

Cơ cấu chi phí

Mô tả tất cả các chi phí cần thiết để duy trì và điều hành công việc sản xuất kinh doanh.



TÀI LIỆU GIÁO DỤC BỊ PHƯƠNG TÍNH NAM ĐỊNH

Được ban hành theo Quyết định số 100/2019/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Chức năng nhiệm vụ của phòng Giáo dục và Đào tạo

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MỘT SỐ THÔNG TIN CƠ BẢN

TRƯỜNG THPT CHUYÊN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN

TRƯỜNG THPT CHUYÊN

Được ban hành theo Quyết định số 100/2019/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

TÀI LIỆU GIÁO DỤC BỊ PHƯƠNG TÍNH NAM ĐỊNH

LỜI MỞ ĐẦU

1. Mục đích và yêu cầu

2. Phạm vi áp dụng

3. Các nội dung chính

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà số 128 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024.37547735 | **Email:** nxb@hnue.edu.vn
Website: www.nxbdhsp.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc – Tổng biên tập: NGUYỄN BÁ CƯỜNG

Biên tập viên:

NGUYỄN HOÀI ANH – HÀ PHƯƠNG ANH – ỨNG QUỐC CHÍNH
NGUYỄN THUY LINH – NGUYỄN THỊ HƯƠNG THẢO – NGUYỄN THỊ THUY

Thiết kế sách:

TIÊU VĂN ANH – NGUYỄN ĐỨC HUY – NGUYỄN NĂNG HƯNG
NGUYỄN THỊ NGUYỆT NGA – ĐỖ THANH KIẾN

Trình bày bìa:

LÊ TRUNG NGHĨA

* Trong tài liệu có tham khảo, sử dụng tư liệu về Nam Định của một số tác giả, chúng tôi trân trọng cảm ơn!

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH NAM ĐỊNH LỚP 11

ISBN 978-604-54-8510-1

In — cuốn, khổ 19 x 26,5cm tại

Địa chỉ:

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 00-2021/CXBIPH/00-000/ĐHSP

Quyết định xuất bản số: ---/QĐ-NXBĐHSP ngày ---/---/2021

In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2021.